

Số: 2799 /QĐ-CT

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình quản lý hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử phạt vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ; Nghị định số 41/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 70/NĐ-CP/2025 ngày 20 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 123/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26 tháng 2 năm 2025 của Bộ

Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế; Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính; Quyết định số 2229/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26 tháng 2 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 1375/QĐ-CT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, các Ban thuộc Cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 1377/QĐ-CT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1379/QĐ-CT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn thuộc Cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 1380/QĐ-CT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế thương mại điện tử thuộc Cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 1383/QĐ-CT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, các Phòng thuộc Thuế tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1384/QĐ-CT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Cục Thuế quy định mô hình tổ chức quản lý thuế của Thuế cơ sở;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Nghiệp vụ thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình quản lý hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với cơ quan thuế các cấp khi triển khai hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1447/QĐ-TCT ngày 05/10/2021 và Quyết định số 1391/QĐ-TCT ngày 23/8/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

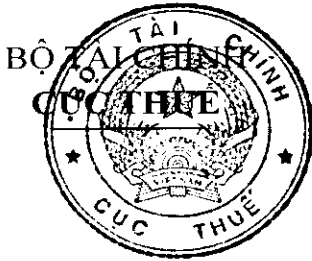
Điều 4. Chánh văn phòng, Trưởng các Ban thuộc Cục Thuế; Chi cục trưởng Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn; Chi cục trưởng Chi cục Thuế thương mại điện tử, Trưởng Thuế tỉnh, thành phố; Trưởng thuế cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, NVT (2b).

42





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH

Quản lý hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử

*(Kèm theo Quyết định số 2799/QĐ-CT ngày 6 tháng 8 năm 2025
của Cục trưởng Cục Thuế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Quy định nội dung và các bước công việc về quản lý, sử dụng thông tin hoá đơn điện tử, chứng từ điện tử tại cơ quan thuế các cấp nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật về hoá đơn điện tử, chứng từ điện tử.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ cơ quan thuế các cấp xây dựng cơ sở dữ liệu, khai thác và quản lý thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật, tự động hóa các bước công việc tại các khâu trong Quy trình, đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hoá ngành thuế.

3. Phân định rõ trách nhiệm của cơ quan thuế và công chức thuế tham gia thực hiện quy trình.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy trình này quy định trình tự, thủ tục thực hiện hoạt động quản lý hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử của cơ quan thuế, công chức thuế các cấp, bao gồm: quản lý đăng ký, sử dụng và khai thác thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử, cung cấp thông tin hóa đơn điện tử.

2. Hoá đơn điện tử được quản lý theo quy trình này là các loại hoá đơn quy định tại Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP), điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP).

3. Chứng từ điện tử được quản lý theo quy trình này là các loại chứng từ quy định tại Điều 30 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP).

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với: Cục Thuế, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế thương mại điện tử; Thuế tỉnh, thành phố; Thuế cơ sở; công chức thuế thuộc cơ quan thuế các cấp.

Điều 4. Giải thích từ ngữ và các cụm từ viết tắt

1. Các cụm từ viết tắt

a) Cụm từ viết tắt liên quan đến NNT.

- Người nộp thuế viết tắt là *NNT*.
- Mã số thuế viết tắt là *MST*.
- Ngân sách Nhà nước viết tắt là *NSNN*.
- Giá trị gia tăng viết tắt là *GTGT*.
- Hóa đơn điện tử viết tắt là *HĐĐT*.
- Chứng từ điện tử viết tắt là *CTĐT*.
- Biên lai điện tử viết tắt là *BLĐT*.
- Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế viết tắt là *HĐĐT có mã*.
- Hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế viết tắt là *HĐĐT không mã*.
- Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền viết tắt là *HĐĐT khởi tạo từ MTT*.

b) Các cụm từ viết tắt liên quan đến ứng dụng

- Hệ thống quản lý thuế tập trung viết tắt là *Hệ thống TMS*.
- Ứng dụng Phân tích thông tin NNT, đánh giá rủi ro viết tắt là *Hệ thống TPR*.
- Ứng dụng Hỗ trợ theo dõi kết quả kiểm tra thuế viết tắt là *Hệ thống TTR*.
- Ứng dụng Dịch vụ thuế điện tử viết tắt là *Hệ thống eTax*.
- Hệ thống quản lý thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử viết tắt là *Hệ thống HĐĐT-CTĐT*.
- Tiếp nhận và trả kết quả viết tắt là *TN&TKQ*.
- Công nghệ thông tin viết tắt là *CNTT*.
- Quản lý rủi ro viết tắt là *QLRR*.
- Người sử dụng viết tắt là *NSD*.
- Cơ sở dữ liệu viết tắt là *CSDL*.

c) Cụm từ viết tắt liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật

- Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ viết tắt là *Nghị định số 123/2020/NĐ-CP*.

- Nghị định số 41/2022/NĐ-CP ngày 20/6/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ viết tắt là *Nghị định số 41/2022/NĐ-CP*.

- Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ viết tắt là *Nghị định số 70/2025/NĐ-CP*.

- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế viết tắt là *Nghị định số 126/2020/NĐ-CP*.

- Thông tư số 22/2020/TT-BTTTT ngày 07/9/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số viết tắt là *Thông tư số 22/2020/TT-BTTTT*.

- Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ viết tắt là *Thông tư số 32/2025/TT-BTC*.

d) Cụm từ viết tắt liên quan đến tên các đơn vị

- Cơ quan thuế viết tắt là *CQT*.

- Cục Thuế viết tắt là *CT*.

- Ban Công nghệ, chuyển đổi số và tự động hóa viết tắt là *Ban CDS*.

- Ban Nghiệp vụ thuế viết tắt là *Ban NVT*.

- Ban Quản lý tuân thủ và hỗ trợ NNT viết tắt là *Ban QLTT*.

- Chi Cục Thuế doanh nghiệp lớn viết tắt là *CCT DNL*.

- Chi cục Thuế thương mại điện tử viết tắt là *CCT TMĐT*.

- Người nộp thuế viết tắt là *NNT*.

2. Giải thích từ ngữ

a) “*Lãnh đạo Cơ quan Thuế*” là Cục trưởng, Phó Cục trưởng, Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng, Trưởng thuế tỉnh, thành phố, Phó Trưởng thuế tỉnh, thành phố, Trưởng thuế cơ sở, Phó trưởng thuế cơ sở.

b) “*Phụ trách bộ phận*” là Chánh văn phòng, Phó chánh văn phòng, Trưởng ban, Phó Trưởng các Ban/đơn vị thuộc Cục Thuế; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc CCT TMĐT, CCT DNL; Chánh văn phòng, Phó chánh văn phòng, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng thuộc Thuế tỉnh, thành phố; Tổ trưởng, Phó Tổ trưởng thuộc Thuế cơ sở.

c) “*Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử*” là tổ chức cung cấp giải pháp trong việc khởi tạo, kết nối nhận, truyền, nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu của hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử. Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử bao gồm: Tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử cho người bán và người mua; tổ chức kết nối nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế.

d) “*Tổ chức cung cấp giải pháp*” là tổ chức cung cấp giải pháp khởi tạo, xử lý, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử có mã và hóa đơn điện tử không có mã, cho người bán và người mua, chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật về hóa đơn điện tử và pháp luật khác có liên quan; có giải pháp nhận, truyền dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử với người sử dụng dịch vụ; có giải pháp truyền, nhận dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử với cơ quan thuế thông qua tổ chức truyền nhận.

đ) “*Tổ chức truyền nhận*” là tổ chức cung cấp giải pháp kết nối, nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử từ người bán hoặc tổ chức cung cấp giải pháp đến cơ quan thuế.

e) “*Tổ chức kết nối trực tiếp*” là tổ chức, doanh nghiệp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo hình thức gửi trực tiếp không thông qua các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

f) “*Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử*” là điểm truy cập tập trung trên internet do Cục Thuế cung cấp để người nộp thuế, cơ quan thuế, tổ chức truyền nhận và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện các giao dịch về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử theo quy định, Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế: Gửi phản hồi tự động về việc xác nhận người nộp thuế đã gửi thành công và thông báo về thời điểm tiếp nhận chính thức hồ sơ, tài liệu, dữ liệu của người nộp thuế; gửi thông báo và kết quả giải quyết các nội dung liên quan đến hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử của người nộp thuế (nếu có) thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (đối với trường hợp người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử) hoặc tài khoản sử dụng Cổng thông tin điện tử, chứng từ điện tử của Cục Thuế hoặc địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế (đối với trường hợp người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa

đơn điện tử trực tiếp tại Cổng thông tin điện tử, chứng từ điện tử của Cục Thuế), (sau đây gọi tắt là Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT).

g) “*Hệ thống quản lý thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử của Cục Thuế*” bao gồm phần mềm ứng dụng (<https://hddtcbt.gdt.gov.vn>), cơ sở dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý, lưu trữ, khai thác dữ liệu hoá đơn điện tử, chứng từ điện tử và các dữ liệu có liên quan theo quy định (sau đây gọi tắt là Hệ thống HĐĐT-CTĐT).

h) “*Chuẩn dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử*” là quy định các thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử và thành phần chứa dữ liệu chữ ký số, phương thức truyền nhận với Cơ quan Thuế theo Quyết định của Cục trưởng Cục Thuế (sau đây gọi tắt là Chuẩn dữ liệu).

i) “*Tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử*” là nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 117/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân (sau đây gọi tắt là sàn thương mại điện tử).

k) “*Đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử*” là tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; tổ chức, cá nhân mua hàng hóa, dịch vụ; Tổ chức sử dụng thông tin chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân; chứng từ điện tử khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số; Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức tín dụng, tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử, Cơ quan quản lý thuế nước ngoài phù hợp với điều ước quốc tế về thuế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (sau đây gọi tắt là bên sử dụng thông tin).

l) “*Tài khoản*” là tên và mật khẩu đăng nhập vào Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT, Hệ thống HĐĐT-CTĐT do Cơ quan thuế cấp.

m) “*Tài khoản sử dụng ứng dụng*” là tài khoản được cấp để sử dụng các chức năng trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT, Hệ thống HĐĐT-CTĐT.

n) “*Tài khoản kết nối, truyền nhận dữ liệu*” là tài khoản được cấp cho tổ chức kết nối trực tiếp hoặc tổ chức truyền nhận để sử dụng kết nối truyền nhận dữ liệu hóa đơn điện tử với Cục Thuế.

o) “*Trạng thái mã số thuế của NNT*” là tình trạng hoạt động của NNT, bao gồm: Trạng thái “00”: NNT đang hoạt động; Trạng thái “01”: NNT ngừng hoạt động, đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế; Trạng thái “02”: NNT đã chuyển

CQT quản lý; Trạng thái “03”: NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế; Trạng thái “05”: NNT tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; Trạng thái “06”: NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; Trạng thái “07”: NNT chờ làm thủ tục phá sản; Trạng thái “09”: NNT chờ xác minh tình trạng hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; Trạng thái “10”: Mã số thuế chờ cập nhật thông tin số định danh cá nhân.

p) “*Quản lý thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử*” là việc quản lý thông tin của tổ chức truyền nhận, tổ chức cung cấp giải pháp, thông tin chung về NNT và các thông tin khác liên quan đến NNT phục vụ kiểm tra, kiểm soát dữ liệu, thông tin về đăng ký, sử dụng HĐĐT, CTĐT của người bán, người mua, thông tin của tổ chức, cá nhân liên quan trong tra cứu, sử dụng HĐĐT, CTĐT.

q) “*Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế*” là hóa đơn có mã của cơ quan thuế hoặc dữ liệu điện tử để người mua có thể truy xuất, kê khai thông tin hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập từ hệ thống tính tiền, dữ liệu được chuyển đến cơ quan thuế theo định dạng được quy định (sau đây gọi là hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền).

r) “*Máy tính tiền*” là hệ thống tính tiền bao gồm một thiết bị điện tử đồng bộ hoặc một hệ thống gồm nhiều thiết bị điện tử được kết hợp với nhau bằng giải pháp công nghệ thông tin có chức năng chung như: tính tiền, lưu trữ các giao dịch bán hàng, số liệu bán hàng.

s) “*Mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền*” là dải ký tự bao gồm 23 ký tự có cấu trúc như sau:

C1C2-C3C4-C5C6C7C8C9-C10C11C12C13C14C15C16C17C18C19C20

Trong đó:

- Một ký tự đầu C1: là chữ cái M cố định để thể hiện dấu hiệu nhận biết hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 32/2025/TT-BTC.

- Một ký tự C2: là ký hiệu được gán cố định để thể hiện loại hóa đơn điện tử từ 1 đến 9 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 32/2025/TT-BTC.

- Hai ký tự C3C4: là 02 số cuối của năm phát hành hóa đơn được sinh tự động từ phần mềm bán hàng của NNT.

- Năm ký tự C5C6C7C8C9: là một chuỗi 05 ký tự do Cơ quan Thuế cấp theo hình thức tự sinh từ Hệ thống HĐĐT-CTĐT của Cơ quan Thuế đảm bảo tính duy nhất.

- Mười một ký tự C10C11C12C13C14C15C16C17C18C19C20: là chuỗi 11 số được tự sinh từ phần mềm bán hàng đảm bảo tính duy nhất.

- Dấu gạch ngang (-): là ký tự để phân tách các nhóm ký tự thể hiện loại hóa đơn, năm phát hành hóa đơn tự sinh từ phần mềm bán hàng, ký tự do Cơ quan Thuế cấp, chuỗi số tự sinh từ phần mềm bán hàng.

Mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có thể thiết lập cho nhiều máy tính tiền tại một hoặc nhiều địa điểm kinh doanh, đơn vị phụ thuộc đảm bảo tính duy nhất của từng hóa đơn.

Điều 5. Các chủ thể tham gia thực hiện quy trình

1. Bộ phận tiếp nhận thông tin đăng ký và dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử:

- Phòng Quản lý thuế thuộc Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế thương mại điện tử;

- Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp và Phòng Thuế cá nhân, hộ kinh doanh và thu khác thuộc Thuế tỉnh, thành phố;

- Tổ quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp và Tổ Quản lý, hỗ trợ cá nhân, hộ kinh doanh, Tổ Quản lý các khoản thu khác thuộc Thuế cơ sở;

- Bộ phận tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế các cấp. (sau đây gọi tắt là bộ phận Tiếp nhận dữ liệu).

2. Bộ phận quản lý sử dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử:

- Phòng Quản lý thuế thuộc Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế Thương mại điện tử;

- Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp và Phòng Thuế cá nhân, hộ kinh doanh và thu khác thuộc Thuế tỉnh, thành phố;

- Tổ Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp và Tổ Quản lý, hỗ trợ cá nhân, hộ kinh doanh, Tổ Quản lý các khoản thu khác tại Thuế cơ sở;

- Các bộ phận khác do Lãnh đạo CQT phân công tùy theo quy mô và yêu cầu giải quyết công việc.

(sau đây gọi tắt là bộ phận Quản lý sử dụng).

3. Bộ phận quản lý rủi ro hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử:

Là bộ phận có chức năng quản lý rủi ro hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử tại CQT bao gồm:

- Ban Quản lý tuân thủ và hỗ trợ NNT thuộc Cục Thuế;
- Phòng được giao quản lý rủi ro hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử thuộc Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, phòng Cơ sở dữ liệu và quản lý rủi ro thuộc Chi cục Thuế thương mại điện tử;
- Phòng Quản trị dữ liệu và quản lý rủi ro thuộc Thuế tỉnh, thành phố;
- Bộ phận được giao quản lý rủi ro hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử tại Thuế cơ sở.

(sau đây gọi tắt là bộ phận QLRR).

4. Bộ phận kiểm tra:

- Ban Kiểm tra thuế thuộc Cục Thuế;
- Phòng được giao nhiệm vụ kiểm tra thuộc Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế Thương mại điện tử;
- Các phòng Kiểm tra, phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp và phòng Thuế cá nhân, hộ kinh doanh và thu khác thuộc Thuế tỉnh, thành phố;
- Tổ kiểm tra thuế, Tổ Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp và Tổ quản lý, hỗ trợ cá nhân, hộ kinh doanh, Tổ Quản lý các khoản thu khác thuộc Thuế cơ sở.

(sau đây gọi tắt là bộ phận Kiểm tra).

5. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:

- Bộ phận hành chính văn thư tại cơ quan thuế;
- Phòng được giao nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả thuộc Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế thương mại điện tử;
- Bộ phận Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp; cá nhân, hộ kinh doanh và thu khác tại Thuế tỉnh, thành phố;
- Bộ phận tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan thuế các cấp;
- Bộ phận do Lãnh đạo CQT phân công tùy theo quy mô và yêu cầu giải quyết công việc.

(sau đây gọi tắt là bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả).

6. Bộ phận Công nghệ thông tin:

- Ban Công nghệ, chuyển đổi số và tự động hóa thuộc Cục Thuế;

- Phòng Quản trị dữ liệu và quản lý rủi ro thuộc Thuế tỉnh, thành phố;
 - Tổ Nghiệp vụ, dự toán, pháp chế thuộc Thuế cơ sở.
- (sau đây gọi tắt là bộ phận CNTT).

7. Các bộ phận nghiệp vụ khác tham gia quy trình:

- Bộ phận Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp/Bộ phận Quản lý, hỗ trợ cá nhân, hộ kinh doanh, bộ phận quản lý các khoản thu khác hoặc các bộ phận khác do Lãnh đạo CQT phân công tùy theo quy mô và yêu cầu giải quyết công việc.

- Ban/đơn vị thuộc Cục Thuế; Phòng thuộc CCT DNL, CCT TMĐT, Thuế tỉnh, thành phố; Tổ thuộc Thuế cơ sở có liên quan theo phân công của Lãnh đạo CQT.

(sau đây gọi tắt là bộ phận Nghiệp vụ khác).

Điều 6. Nguyên tắc chung áp dụng trên Cổng thông tin HĐĐT- CTĐT và Hệ thống HĐĐT-CTĐT.

1. Phương thức Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tiếp nhận thông tin về HĐĐT-CTĐT của NNT gửi đến CQT.

a) Tiếp nhận trực tiếp trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT bao gồm:

a.1) Tiếp nhận trực tiếp từ NNT sử dụng HĐĐT bao gồm:

NNT thuộc đối tượng sử dụng HĐĐT có mã không phải trả tiền dịch vụ trong thời gian 12 tháng kể từ khi bắt đầu sử dụng HĐĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP; NNT thuộc đối tượng được cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 10 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP); cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công và nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP).

a.2) Tiếp nhận trực tiếp từ NNT, tổ chức, cá nhân sử dụng CTĐT theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP bao gồm: tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thuộc đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử; tổ chức, cá nhân trả thu nhập sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ.

b) Tiếp nhận từ NNT là các doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp: áp dụng đối với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu chuyên dữ liệu hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử đến CQT bằng hình thức

gửi trực tiếp không thông qua các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 14, khoản 22 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

c) Tiếp nhận thông qua tổ chức truyền nhận: áp dụng đối với NNT không thuộc trường hợp nêu tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

2. Trình tự các bước đối chiếu thông tin, nội dung thông tin đối chiếu về HDDT-CTĐT.

a) Trình tự các bước đối chiếu thông tin

a.1. Đối chiếu thông tin về HDDT.

Bước 1. Công thông tin HDDT-CTĐT tự động đối chiếu các thông tin về HDDT (tình trạng hoạt động của NNT; thông tin CQT quản lý; chuẩn dữ liệu; chữ ký số của NNT; hiệu lực của Hợp đồng nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu HDDT,...) và gửi Thông báo cho NNT chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ của NNT. Riêng đối với HDDT đề nghị cấp mã của CQT, Công thông tin HDDT-CTĐT thực hiện đối chiếu và phản hồi chậm nhất trong thời gian 5 phút kể từ khi nhận được HDDT.

Bước 2. Hệ thống HDDT-CTĐT tiếp tục tự động đối chiếu các thông tin trong phạm vi CSDL có thông tin phục vụ đối chiếu.

Bước 3. Đối với các nội dung Hệ thống HDDT-CTĐT không có đủ thông tin để đối chiếu tự động như: thông tin hồ sơ liên quan đến cường chế nợ thuế, thông tin hồ sơ phục vụ cấp mã hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh hoặc các thông tin hồ sơ khác không có đầy đủ dữ liệu điện tử để Hệ thống đối chiếu tự động, công chức thuế thực hiện đối chiếu theo quy định tại Quy trình này.

Bước 4. Căn cứ kết quả đối chiếu tại bước 1, bước 2, bước 3 hệ thống tự động tạo thông báo gửi cho NNT theo quy định tại quy trình này.

a.2. Đối chiếu thông tin về CTĐT.

Bước 1. Công thông tin HDDT-CTĐT tự động đối chiếu các thông tin về CTĐT (tình trạng hoạt động của NNT; thông tin CQT quản lý; chuẩn dữ liệu; chữ ký số của NNT...).

Bước 2. Hệ thống HDDT-CTĐT tiếp tục tự động đối chiếu các thông tin trong phạm vi CSDL có thông tin phục vụ đối chiếu.

Bước 3. Căn cứ kết quả đối chiếu tại bước 1, bước 2, Hệ thống HDDT-CTĐT tự động tạo thông báo gửi cho NNT theo quy định tại quy trình này.

b) Nội dung thông tin đối chiếu

- Nội dung chi tiết các thông tin đối chiếu theo từng nghiệp vụ xử lý được quy định cụ thể tại Chương II quy trình này.

- Đối với hoá đơn uỷ nhiệm, thông tin đối chiếu về uỷ nhiệm bao gồm: ký hiệu mẫu hóa đơn, ký hiệu hóa đơn uỷ nhiệm, loại hóa đơn, thời hạn uỷ nhiệm lập hóa đơn, chữ ký số của bên nhận uỷ nhiệm, tình trạng hoạt động của bên nhận uỷ nhiệm/bên uỷ nhiệm; tên, mã số thuế của bên uỷ nhiệm (người bán).

- Đối với thông tin về hóa đơn được gửi qua tổ chức truyền nhận, thông tin đối chiếu về tổ chức truyền nhận bao gồm: tình trạng hoạt động, hiệu lực hợp đồng nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu HĐĐT.

3. Phương thức Công thông tin HĐĐT-CTĐT gửi thông báo cho NNT

a) Trường hợp Công thông tin HĐĐT-CTĐT tiếp nhận trực tiếp hồ sơ, tài liệu, dữ liệu từ NNT theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

Công thông tin HĐĐT-CTĐT gửi thông báo về việc xác nhận NNT đã gửi thành công và thông báo về thời điểm tiếp nhận chính thức hồ sơ, tài liệu, dữ liệu của NNT, thông báo và kết quả giải quyết các nội dung liên quan đến HĐĐT, CTĐT của NNT qua tài khoản sử dụng Công thông tin HĐĐT-CTĐT của NNT và địa chỉ thư điện tử của NNT đã đăng ký trên Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT, Mẫu số Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT, Mẫu số 06/ĐN-PSĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP).

b) Trường hợp Công thông tin HĐĐT-CTĐT tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, dữ liệu từ NNT là các doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

Công thông tin HĐĐT-CTĐT gửi thông báo về việc xác nhận NNT đã gửi thành công và thông báo về thời điểm tiếp nhận chính thức hồ sơ, tài liệu, dữ liệu của NNT, thông báo và kết quả giải quyết các nội dung liên quan đến HĐĐT, CTĐT của NNT đến tài khoản sử dụng Công thông tin HĐĐT-CTĐT của NNT.

c) Trường hợp Công thông tin HĐĐT-CTĐT tiếp nhận hồ sơ, tài liệu, dữ liệu từ NNT thông qua tổ chức truyền nhận theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này:

Công thông tin HĐĐT-CTĐT gửi thông báo về việc xác nhận NNT đã gửi thành công và thông báo về thời điểm tiếp nhận chính thức hồ sơ, tài liệu, dữ liệu của NNT, thông báo và kết quả giải quyết các nội dung liên quan đến HĐĐT, CTĐT của NNT đến tài khoản sử dụng Công thông tin HĐĐT-CTĐT của NNT thông qua tổ chức truyền nhận.

4. Trình tự ban hành thông báo điện tử của CQT về HĐĐT, CTĐT.

a) Đối với trường hợp Thủ trưởng CQT, Cơ quan thuế quản lý trực tiếp ban hành thông báo.

Bước 1. Công chức được phân công nhiệm vụ thực hiện rà soát nội dung dự thảo thông báo đã được tạo lập trên hệ thống và đang ở trạng thái chưa được xử lý để trình phụ trách bộ phận phê duyệt, trường hợp Thông báo không được chấp nhận thì công chức tự cập nhật lý do.

Bước 2. Trường hợp đồng ý với dự thảo thông báo do công chức trình trên hệ thống, phụ trách bộ phận thực hiện duyệt, trình Thủ trưởng CQT (hoặc người được Thủ trưởng CQT phân công, ủy quyền) ký ban hành; trường hợp không đồng ý thì phụ trách bộ phận sử dụng chức năng không phê duyệt thông báo và nêu rõ ý kiến chỉ đạo.

Bước 3. Trường hợp đồng ý với dự thảo thông báo do phụ trách bộ phận trình, Thủ trưởng CQT (hoặc người được Thủ trưởng CQT phân công, ủy quyền) thực hiện duyệt và ký số đích danh trên thông báo; trường hợp không đồng ý thì sử dụng chức năng không phê duyệt thông báo và nêu rõ ý kiến chỉ đạo.

Bước 4. Công chức được giao làm công tác văn thư thực hiện cấp số văn bản và ký số đích danh CQT trên thông báo ngay trong ngày Thủ trưởng CQT (hoặc người được Thủ trưởng CQT phân công, ủy quyền) ký số trên thông báo; trường hợp thông báo sai hình thức quyền hạn của người ký thì văn thư sử dụng chức năng từ chối cấp số văn bản (hủy thông báo) và hệ thống sẽ tự động khôi phục lại thông báo để công chức được phân công nhiệm vụ thực hiện xử lý lại hồ sơ kể từ bước rà soát, trình phụ trách bộ phận phê duyệt.

Bước 5. Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động gửi thông báo cho NNT chậm nhất 15 phút kể từ thời điểm công chức được giao làm công tác văn thư cấp số văn bản và ký số đích danh CQT theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều này.

Thời gian trình, phê duyệt và ký số của công chức, phụ trách bộ phận, Thủ trưởng CQT hoặc người được Thủ trưởng CQT phân công, ủy quyền được quy định cụ thể tại Chương II Quy trình này đối với từng loại thông báo.

b) Đối với trường hợp thông báo không thuộc thẩm quyền ký của Thủ trưởng CQT.

Bước 1. Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT hoặc Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo lập thông báo.

Bước 2. Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động sử dụng chữ ký nhân danh của CQT để ký và tự động gửi cho NNT theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Nguyên tắc đồng bộ dữ liệu từ các phần mềm ứng dụng tác nghiệp (TMS, TTR, TPR, ETAX,...) đến Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT và Hệ thống HĐĐT-CTĐT.

- Dữ liệu được đồng bộ là dữ liệu đã được cập nhật vào phần mềm ứng dụng tác nghiệp theo các Quy trình quản lý thuế liên quan.

- Tần suất đồng bộ: 2 lần/1 ngày.

- Thời gian đồng bộ:

+ 0 giờ đến 1 giờ: Đồng bộ dữ liệu lần thứ nhất trong ngày đối với dữ liệu đã được nhập vào phần mềm ứng dụng tác nghiệp từ 12h đến 24h của ngày hôm trước.

+ 12 giờ đến 13 giờ: Đồng bộ dữ liệu lần thứ hai trong ngày đối với dữ liệu đã được nhập vào phần mềm ứng dụng tác nghiệp từ 0h đến 12h.

6. Nguyên tắc lưu CSDL và khai thác thông tin về HĐĐT-CTĐT

- Toàn bộ dữ liệu về HĐĐT-CTĐT từ NNT gửi đến CQT theo các phương thức quy định tại khoản 1 Điều này được ghi nhận nguyên trạng theo thông tin mà NNT đã lập hoặc kê khai.

- Các thông báo về hủy HĐĐT-CTĐT, giải trình thông tin HĐĐT-CTĐT của NNT và thông tin xử lý của CQT được lưu theo thời gian thực tế phát sinh dữ liệu, dữ liệu lịch sử không bị xoá hay hủy bỏ.

- Khi khai thác, tra cứu thông tin về HĐĐT-CTĐT trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT và Hệ thống HĐĐT-CTĐT kết quả sẽ được hiển thị tương ứng theo phân quyền sử dụng dữ liệu.

7. Nguyên tắc cấp tài khoản sử dụng Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT

Việc cấp tài khoản sử dụng Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT, Hệ thống HĐĐT-CTĐT cho người sử dụng, quản lý, phân quyền tra cứu thông tin HĐĐT, CTĐT được thực hiện theo các quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng các ứng dụng CNTT ngành thuế.

8. Bộ phận CNTT chịu trách nhiệm duy trì các hoạt động của Hệ thống HĐĐT-CTĐT và Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

Chương II **NỘI DUNG QUY TRÌNH**

Mục 1.

TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ, CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

Điều 7. Quản lý thông tin đăng ký/thay đổi sử dụng hóa đơn điện tử

1. Tiếp nhận và xử lý Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT của NNT (Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT)

Bước 1.

Trong thời gian 15 phút kể từ khi nhận được Tờ khai Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của NNT, Cổng thông tin HĐĐT- CTĐT tự động đối chiếu các thông tin cơ bản trên Tờ khai Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT, bao gồm:

- CQT quản lý trên tờ khai đăng ký sử dụng HĐĐT đúng với cơ quan quản lý thuế trên phân hệ đăng ký thuế của Hệ thống TMS.
- Mã số thuế có trạng thái 00.
- Hệ thống tự động kiểm tra loại hóa đơn đăng ký sử dụng phù hợp với phương pháp tính thuế của NNT.
- Các chỉ tiêu trên Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT đúng chuẩn dữ liệu.
- Chữ ký số của NNT theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Kiểm tra các thông tin của người đại diện theo pháp luật trên cổng thông tin Bộ Công an/thông tin đăng ký thuế trên TMS bao gồm: Tên NNT; Số CC/CCCD/số định danh/Hộ chiếu; Ngày tháng năm sinh; Giới tính.
- NNT không thuộc trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.
- NNT đăng ký hình thức gửi dữ liệu và phương thức chuyển dữ liệu HĐĐT phải phù hợp với hình thức hóa đơn đã lựa chọn.
- NNT đăng ký sử dụng HĐĐT “*Có mã của CQT*” và chọn hình thức gửi dữ liệu là “*Trường hợp sử dụng HĐĐT có mã không phải trả tiền dịch vụ*” phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP), khoản 1 Điều 15 Nghị định 123/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP).

- Kiểm tra thông tin đề nghị tạm ngừng sử dụng HĐĐT:
 - + Tên NNT đề nghị.
 - + Thời gian tạm ngừng sử dụng HĐĐT: kiểm tra thời gian của việc tạm ngừng.
 - + Tổ chức cung cấp giải pháp HĐĐT thuộc danh sách tổ chức cung cấp giải pháp HĐĐT được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế.
 - + Kiểm tra số seri chứng thư đã đăng ký.
- Kiểm tra thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ mà NNT kê khai trên tờ khai có thuộc danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT đáp ứng điều kiện theo quy định như:
 - + Tên tổ chức cung cấp dịch vụ.
 - + Mã số thuế ở trạng thái 00, 02.

Trường hợp NNT gửi Tờ khai Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT qua tổ chức truyền nhận, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thêm các thông tin đối với tổ chức truyền nhận theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quy trình này. Cụ thể:

 - Kiểm tra thông tin của đơn vị truyền nhận mà NNT kê khai trên tờ khai có thuộc danh sách tổ chức truyền nhận đáp ứng điều kiện theo quy định:
 - + Tên đơn vị truyền nhận.
 - + Mã số thuế ở trạng thái 00, 02.
 - + Thời gian cung cấp truyền nhận: kiểm tra thời gian hiệu lực của hợp đồng.
 - Kiểm tra thông tin đăng ký tích hợp HĐĐT với CTĐT:
 - + MST của tổ chức được tích hợp/nhận tích hợp có trạng thái 00.
 - + Thực hiện kiểm tra tổ chức được hoặc nhận tích hợp đã được chấp nhận đăng ký sử dụng HĐĐT, BLĐT.
 - + NNT đăng ký loại hóa đơn sử dụng là “*Hóa đơn GTGT tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí*”; “*Hóa đơn bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí*” hoặc đồng thời cả hai loại hóa đơn trên.
 - + Tên loại hóa đơn tích hợp: “*Hóa đơn GTGT tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí*”; “*Hóa đơn bán hàng tích hợp biên lai thu thuế, phí, lệ phí*” hoặc đồng thời cả hai loại hóa đơn trên.
 - + Kí hiệu mẫu hóa đơn tích hợp, kí hiệu hóa đơn tích hợp: chuẩn kí tự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông số 32/2025/TT-BTC.
 - + Thời hạn tích hợp: kiểm tra thời hạn của việc tích hợp.

Căn cứ kết quả đối chiếu, Công thông tin HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo tiếp nhận/không tiếp nhận theo Mẫu số 01/TB-TNĐT ban hành theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP, ký và gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Bước 2.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày Công thông tin HĐĐT-CTĐT gửi thông báo về việc tiếp nhận Mẫu số 01/TB-TNĐT (Bước 1):

Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu các nội dung thông tin trên Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT (theo hướng dẫn tại bước này) gồm:

- NNT được đăng ký hình thức HĐĐT là “*Không có mã của CQT*” hoặc đồng thời cả hai/ba hình thức “*Có mã của CQT*” và “*Không có mã của CQT*”; hoặc “*Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền*” theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế nếu NNT không thuộc danh sách NNT sử dụng HĐĐT có mã của CQT.

- NNT có ngành nghề kinh doanh thuộc đối tượng sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT theo quy định tại điểm 1 Điều 11 Nghị định 123/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

- NNT không thuộc trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 16 Nghị định 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP).

- Kiểm tra thông tin đơn vị hạch toán phụ thuộc NNT kê khai trên tờ khai với hệ thống đăng ký thuế:

- + Kiểm tra thông tin đơn vị hạch toán phụ thuộc đã được NNT đăng ký là đơn vị trực thuộc theo thông tin đăng ký thuế, trong trường hợp đơn vị hạch toán phụ thuộc có mã số thuế 13 số, kiểm tra 10 số đầu trùng với mã số thuế của NNT đang gửi tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT.

- + Kiểm tra hình thức hạch toán của NNT được cấp quyền tra cứu.

- + Thời gian được cấp quyền tra cứu: kiểm tra thời gian của việc tra cứu hóa đơn.

Căn cứ kết quả đối chiếu bước 2, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo, ký nhân danh CQT về việc không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT (Mẫu số 01/TB-ĐKĐT) gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này trong trường hợp kết quả đối chiếu cho thấy thông tin NNT kê khai trên Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT không khớp đúng với thông tin của NNT trên các ứng dụng quản lý thuế.

Bước 3. Xác nhận thông tin đăng ký hoặc thay đổi của NNT, tự động kiểm tra đối chiếu thông tin người đại diện pháp luật.

Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT yêu cầu NNT thực hiện xác thực sinh trắc học bằng nhận diện khuôn mặt thông qua ứng dụng Etax mobile, đồng thời tự động gửi mã xác thực OTP yêu cầu NNT xác thực qua địa chỉ thư điện tử, số điện thoại theo quy định tại Điều 15 Nghị định 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP).

- Trường hợp quá thời hạn mà NNT chưa xác thực hoặc xác thực không thành công, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động tạo Thông báo, ký nhân danh CQT về việc không chấp nhận hồ sơ đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT gửi NNT, thông báo nội dung thông tin không khớp đúng cho NNT ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo để NNT thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin này với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc hệ thống định danh và xác thực điện tử.

- Trong trường hợp NNT xác thực đúng thời hạn, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu các thông tin theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP. Cụ thể: Hệ thống HĐĐT-CTĐT thực hiện đối chiếu thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT với thông tin đồng bộ từ các ứng dụng quản lý thuế, ứng dụng QLRR theo bộ tiêu chí đánh giá, xác định NNT có dấu hiệu rủi ro theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà NNT đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, NNT ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, NNT tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; NNT có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ; NNT rủi ro về thuế cao theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 32/2025/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

+ NNT không thuộc trường hợp quy định tại Điều 15 Nghị định 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) thì Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động gửi Thông báo chấp nhận đăng ký/thay đổi sử dụng HĐĐT theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT đến địa chỉ thư điện tử và tài khoản Etax mobile của NNT.

+ NNT thuộc trường hợp quy định tại Điều 15 Nghị định 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) thì trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký

sử dụng HĐĐT của NNT, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo Thông báo giải trình bổ sung thông tin tài liệu Mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Công chức bộ phận Quản lý sử dụng thực hiện rà soát trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này gửi cho NNT thông qua Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT hoặc CQT quản lý trực tiếp thực hiện xác minh hoạt động thực tế tại địa chỉ đã đăng ký của NNT theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và quy trình quy định về trình tự thủ tục xác minh tình trạng hoạt động, thông báo công khai thông tin, xử lý và khôi phục mã số thuế đối với NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với CQT.

NNT thực hiện giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung của CQT.

++ Trường hợp CQT chấp nhận giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu của NNT hoặc trường hợp kết quả xác minh NNT có hoạt động tại địa chỉ đăng ký thì chậm nhất ngày làm việc tiếp theo, công chức bộ phận Quản lý sử dụng trình phụ trách bộ phận, trình Thủ trưởng CQT phê duyệt, ký ban hành thông báo chấp nhận đăng ký sử dụng HĐĐT theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT để Hệ thống HĐĐT-CTĐT gửi NNT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

++ Trường hợp NNT không giải trình hoặc quá thời hạn quy định mà không giải trình được thông tin hoặc kết quả xác minh NNT không hoạt động tại địa chỉ đăng ký thì chậm nhất ngày làm việc tiếp theo, công chức bộ phận Quản lý sử dụng trình phụ trách bộ phận, trình Thủ trưởng CQT phê duyệt, ký ban hành thông báo không chấp nhận đăng ký sử dụng HĐĐT theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT để Hệ thống HĐĐT-CTĐT gửi NNT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

2. Tiếp nhận và xử lý tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT trong trường hợp ủy nhiệm/nhận ủy nhiệm lập HĐĐT

Bước 1.

Trong thời gian 15 phút kể từ khi nhận được tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT có nội dung về ủy nhiệm/nhận ủy nhiệm lập hóa đơn (mục 5, 6 Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP), Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thông tin đăng ký của NNT gồm:

- Mã số thuế phải có trạng thái đang hoạt động (trạng thái 00).
- CQT quản lý trên tờ khai đăng ký sử dụng HĐĐT đúng với cơ quan quản lý thuế trên phân hệ đăng ký thuế của Hệ thống TMS.

- Chữ ký số của NNT theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- NNT không thuộc trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT theo khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.
- Các chỉ tiêu liên quan đến việc đăng ký ủy nhiệm lập hóa đơn trên Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT đúng chuẩn dữ liệu.
- Kiểm tra các thông tin người đại diện pháp luật với thông tin đăng ký thuế trên TMS bao gồm: tên NNT, số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu, Ngày sinh, Giới tính.

Trường hợp NNT gửi Tờ khai Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT qua tổ chức truyền nhận, Công thông tin HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thêm các thông tin đối với tổ chức truyền nhận theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quy trình này.

Căn cứ kết quả đối chiếu, Công thông tin HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo tiếp nhận/không tiếp nhận theo Mẫu số 01/TB-TNĐT, ký và gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Bước 2.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày Công thông tin HĐĐT-CTĐT gửi thông báo về việc tiếp nhận Mẫu số 01/TB-TNĐT, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu các nội dung thông tin trên Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT (theo hướng dẫn tại bước này) gồm:

- Việc ủy nhiệm sử dụng hóa đơn phải phù hợp với hình thức hóa đơn và loại hóa đơn NNT đăng ký sử dụng.
- Công thông tin HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thông tin của bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm trên tờ khai Mẫu số 01/TB-ĐKĐT. Trường hợp, đối với việc đăng ký ủy nhiệm lập hóa đơn của NNT hoạt động kinh doanh trên sàn thương mại điện tử, Hệ thống HĐĐT-CTĐT đối chiếu thông tin NNT với danh sách sàn thương mại điện tử đáp ứng điều kiện nhận ủy nhiệm xuất hóa đơn thay NNT theo điều 17 Quy trình này.

Bước 3. Ban hành Thông báo theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo theo Mẫu số 01/TB-TNĐT cho NNT, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT trong trường hợp ủy nhiệm/nhận ủy nhiệm lập HĐĐT theo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT, gửi cho NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Điều 8. Quản lý thông tin đăng ký/thay đổi sử dụng chứng từ điện tử/ủy nhiệm/nhận ủy nhiệm lập BLĐT (Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT)**Bước 1.**

Trong thời gian 15 phút kể từ khi nhận được Tờ khai Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP của tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng CTĐT, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu các thông tin cơ bản trên Tờ khai Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT, bao gồm:

- Mã số thuế phải có trạng thái đang hoạt động (trạng thái 00).
- CQT quản lý trên tờ khai đăng ký sử dụng CTĐT đúng với cơ quan quản lý thuế trên phân hệ đăng ký thuế của Hệ thống TMS.
- Các chỉ tiêu trên Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT đúng chuẩn dữ liệu.
- Chữ ký số theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Tổ chức đăng ký sử dụng biên lai điện tử có trong danh sách các tổ chức thu thuế, phí, lệ phí đồng bộ từ ứng dụng quản lý ấn chỉ và các ứng dụng quản lý thuế khác có liên quan.

Căn cứ kết quả đối chiếu, Trong thời gian 15 phút Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo tiếp nhận/không tiếp nhận theo Mẫu số 01/TB-TNĐT, ký và gửi tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng CTĐT theo phương thức quy định tại theo điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Bước 2.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT gửi thông báo về việc tiếp nhận Mẫu số 01/TB-TNĐT, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thêm các thông tin đối với các nội dung thông tin trên Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT (theo hướng dẫn tại bước này) gồm:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng CTĐT được đăng ký loại hình sử dụng CTĐT tại mục 2 Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT.
- Tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng CTĐT đăng ký hình thức gửi dữ liệu CTĐT phải phù hợp với loại hình chứng từ đã lựa chọn.
- Đối với việc ủy quyền sử dụng biên lai phải phù hợp với hình thức biên lai điện tử NNT đăng ký sử dụng. Cổng thông tin tự động đối chiếu thông tin của bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm trên tờ khai Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT.

Bước 3.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký sử dụng chứng từ điện tử của tổ chức, cá nhân, căn cứ kết quả đối chiếu bước 2, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử (Mẫu số 01/TB-ĐKĐT) gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Mục 2.

**QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG
HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ, CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ**

Điều 9. Cập nhật thông tin NNT ngừng sử dụng HĐĐT tại khoản 1, khoản 2 Điều 16 Nghị định 123/2020/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP).

1. Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT ngừng tiếp nhận HĐĐT và không gửi thông báo ngừng sử dụng hoá đơn điện tử.

a) Đối với trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT do NNT chấm dứt hiệu lực mã số thuế và do NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định tại điểm 1.a, điểm 1.b khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đồng bộ từ Hệ thống TMS thông tin thay đổi về trạng thái hoạt động của NNT, ngày thay đổi trên hồ sơ (nếu có), ngày thay đổi trên hệ thống, lý do chuyển đổi trạng thái mã số thuế theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Quy trình này và thực hiện tự động đồng bộ vào danh sách NNT ngừng sử dụng HĐĐT trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

b) Đối với trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT của hộ, cá nhân kinh doanh chuyển đổi phương pháp nộp thuế từ kê khai sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh theo quy định tại điểm 1.c khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP CQT.

Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đồng bộ từ Hệ thống TMS hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai chuyển đổi sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh, tự động đối chiếu với danh sách hộ kinh doanh đủ điều kiện sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy trình này, trong trường hợp hộ khoán không đủ điều kiện sử dụng HĐĐT thì Hệ thống tự

động cập nhật ngày ngừng sử dụng hóa đơn vào danh sách NNT ngừng sử dụng HĐĐT trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

c) Đối với trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT do cưỡng chế nợ thuế theo quy định tại điểm 1.d khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đồng bộ từ Hệ thống TMS các thông tin: mã số thuế, tên NNT, số quyết định cưỡng chế, ngày quyết định, CQT ban hành, ngày quyết định có hiệu lực thi hành, ngày quyết định hết hiệu lực hoặc quyết định chấm dứt việc thực hiện biện pháp cưỡng chế,... theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Quy trình này và thực hiện tự động đồng bộ vào danh sách NNT ngừng sử dụng HĐĐT trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

2. Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT ngừng tiếp nhận HĐĐT và gửi thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.

a) Đối với trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT do NNT tạm ngừng kinh doanh, NNT tạm ngừng sử dụng hoá đơn điện tử theo văn bản gửi CQT theo quy định tại điểm 1.c khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Đối với trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT do NNT tạm ngừng kinh doanh: Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đồng bộ từ Hệ thống TMS thông tin thay đổi về trạng thái hoạt động của NNT, ngày thay đổi trên hồ sơ (nếu có), ngày thay đổi trên hệ thống, lý do chuyển đổi trạng thái mã số theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Quy trình này.

Đối với trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT do NNT tạm ngừng sử dụng hoá đơn điện tử theo văn bản gửi CQT (mẫu 01/ĐKTĐ-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm Nghị định 70/2025/NĐ-CP).

Ngay trong ngày làm việc, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động cập nhật ngày ngừng sử dụng hóa đơn điện tử vào Danh sách NNT ngừng sử dụng HĐĐT và Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trên hệ thống HĐĐT-CTĐT theo Mẫu số 01/TB-NSD ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP, gửi cho NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

b) Đối với trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT của NNT đang áp dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT có thay đổi ngành nghề kinh doanh dẫn đến không đáp ứng điều kiện sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT theo quy định tại điểm 1.h khoản 12 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

- Hệ thống HĐĐT-CTĐT đồng bộ dữ liệu đăng ký thuế với Hệ thống quản lý thuế TMS, tự động đối chiếu những NNT đang sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT có thay đổi ngành nghề kinh doanh với danh sách ngành nghề kinh doanh đủ điều kiện sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

- Hệ thống tự động xác định NNT đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện tiếp tục sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT. Trường hợp NNT thay đổi ngành nghề kinh doanh dẫn đến không đủ điều kiện tiếp tục sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT thì ngay trong ngày làm việc Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo về việc ngừng sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT trên hệ thống HĐĐT-CTĐT theo Mẫu số 01/TB-NSD ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP, gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này và tự động đồng bộ vào danh sách NNT ngừng sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

3. Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp ban hành thông báo điện tử về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đến người nộp thuế.

a) Đối với trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT do NNT có hành vi vi phạm pháp luật theo thông tin cung cấp từ cơ quan quản lý nhà nước khác quy định tại điểm 1.e khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Ngay trong ngày làm việc, CQT nhận được văn bản từ các cơ quan liên quan về các trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT do NNT có hành vi vi phạm pháp luật theo thông tin cung cấp từ cơ quan quản lý nhà nước khác. Công chức bộ phận Quản lý sử dụng thực hiện rà soát trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trên hệ thống HĐĐT-CTĐT theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, gửi cho NNT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này, đồng bộ vào danh sách NNT ngừng sử dụng HĐĐT trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT và tự động đồng bộ kết quả xử lý sang các ứng dụng quản lý thuế có liên quan.

b) Đối với trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT do CQT thực hiện kiểm tra NNT, phát hiện NNT có hành vi trốn thuế, NNT được thành lập để thực hiện mua bán, sử dụng hóa đơn điện tử không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn điện tử để trốn thuế theo quy định tại điểm 1.i khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Sau khi biên bản kiểm tra có hiệu lực, ngay trong ngày làm việc bộ phận Kiểm tra đề nghị Bộ phận quản lý sử dụng thực hiện rà soát trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện

từ trên hệ thống HĐĐT- CTĐT theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, gửi cho NNT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này, đồng thời tự động đồng bộ vào danh sách NNT ngừng sử dụng HĐĐT trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT và tự động đồng bộ kết quả xử lý sang các ứng dụng quản lý thuế khác có liên quan.

c) Đối với trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT do NNT có hành vi vi phạm pháp luật theo thông tin cung cấp từ cơ quan quản lý nhà nước khác quy định tại điểm 1.đ, điểm 1.g khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Trong thời gian 01 ngày làm việc sau khi CQT nhận được văn bản từ các cơ quan liên quan về các trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT do NNT có hành vi vi phạm pháp luật theo thông tin cung cấp từ cơ quan quản lý nhà nước khác, công chức thuế thuộc Bộ phận quản lý sử dụng lập thông báo về việc giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến việc sử dụng hóa đơn điện tử theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và Thông báo về việc NNT phải chuyển sang sử dụng hóa đơn có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh theo mẫu tại Phụ lục IV.B kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BTC trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành, gửi cho NNT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo quy định tại điểm 2.d khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP. Trường hợp NNT đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu đầy đủ và chứng minh được việc sử dụng HĐĐT theo đúng quy định pháp luật thì công chức bộ phận Quản lý sử dụng thực hiện rà soát trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành thông báo về việc tiếp tục sử dụng HĐĐT theo mẫu tại Phụ lục IV.A kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BTC, gửi cho NNT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Trường hợp NNT đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu mà không chứng minh được việc sử dụng HĐĐT theo đúng quy định pháp luật hoặc hết thời hạn theo thông báo mà NNT không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu thì công chức bộ phận Quản lý sử dụng thực hiện rà soát trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành thông báo ngừng sử dụng HĐĐT theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, gửi cho NNT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

d) Đối với trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT do NNT thuộc diện rủi ro rất cao theo mức độ rủi ro NNT thì CQT thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy

định tại điểm 1.k khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, hướng dẫn tại Quyết định về việc ban hành Bộ chỉ số tiêu chí và Quy trình áp dụng biện pháp quản lý rủi ro đối với người nộp thuế có rủi ro rất cao trong sử dụng HĐĐT của Cục Thuế.

Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đồng bộ kết quả đánh giá NNT có mức độ rủi ro rất cao từ ứng dụng quản lý rủi ro theo bộ tiêu chí phân loại mức độ rủi ro của NNT, tạo lập thông báo đề công chức bộ phận Quản lý sử dụng thực hiện rà soát trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành yêu cầu NNT giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến việc sử dụng HĐĐT theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP và thông báo về việc NNT sử dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh theo mẫu tại Phụ lục IV.B kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BTC, gửi cho NNT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo quy định tại điểm 2.d khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP. Trường hợp NNT đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu đầy đủ và chứng minh được việc sử dụng HĐĐT theo đúng quy định pháp luật thì công chức bộ phận Quản lý sử dụng thực hiện rà soát, trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành thông báo về việc tiếp tục sử dụng HĐĐT theo mẫu tại Phụ lục IV.A kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BTC, gửi cho NNT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Trường hợp NNT đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu mà không chứng minh được việc sử dụng HĐĐT theo đúng quy định pháp luật hoặc hết thời hạn theo thông báo mà NNT không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu thì công chức bộ phận Quản lý sử dụng thực hiện rà soát, trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành thông báo ngừng sử dụng HĐĐT theo Mẫu số 01/TB-NSD Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, gửi cho NNT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Điều 10. Cập nhật thông tin NNT tiếp tục sử dụng hóa đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP).

1. Công thông tin HĐĐT-CTĐT không gửi thông báo về NNT tiếp tục sử dụng hoá đơn điện tử.

a) CQT khôi phục mã số thuế của NNT; hộ kinh doanh chuyển đổi phương pháp nộp thuế từ phương pháp khoán sang phương pháp kê khai.

Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đồng bộ từ Hệ thống TMS thông tin thay đổi về trạng thái hoạt động của NNT, ngày thay đổi trên hồ sơ (nếu có), ngày thay đổi trên hệ thống, lý do chuyển đổi trạng thái mã số theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Quy trình này, thông báo tới tài khoản của CQT, công chức thuế quản lý. Sau khi thực hiện, hệ thống tự động đồng bộ vào danh sách NNT tiếp tục sử dụng HĐĐT trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT và các ứng dụng quản lý thuế khác.

b) Đối với trường hợp NNT đã được CQT ban hành quyết định chấm dứt quyết định cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đồng bộ từ Hệ thống TMS thông tin về việc chấm dứt việc thực hiện biện pháp cưỡng chế đối với NNT, thông báo tới tài khoản của công chức thuế quản lý. Hệ thống tự động đồng bộ vào danh sách NNT tiếp tục sử dụng HĐĐT trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT và các ứng dụng quản lý thuế khác.

2. Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT gửi thông báo về việc NNT tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử

a) Đối với trường hợp NNT tiếp tục sử dụng HĐĐT, tiếp tục kinh doanh sau thời gian đề nghị tạm ngừng sử dụng HĐĐT, tạm ngừng kinh doanh theo văn bản gửi CQT.

Sau khi hết thời hạn tạm ngừng sử dụng hoá đơn điện tử, tạm ngừng kinh doanh theo văn bản gửi CQT. Ngay trong ngày làm việc, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động rà soát NNT không thuộc các trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT, trường hợp đáp ứng các điều kiện sử dụng HĐĐT theo quy định thì Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo về việc NNT tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT theo mẫu tại Phụ lục IV.A ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BTC, gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này, thông báo tới tài khoản của công chức thuế quản lý. Hệ thống tự động đồng bộ vào danh sách NNT tiếp tục sử dụng HĐĐT trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT và các ứng dụng quản lý thuế khác.

b) Đối với trường hợp tiếp tục sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT khi NNT có thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định tại điểm 1.h khoản 12 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

- Hệ thống quản lý thuế TMS đồng bộ dữ liệu đăng ký thuế với Hệ thống HĐĐT-CTĐT theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Quy trình này. Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động kiểm tra ngành nghề kinh doanh của NNT đang sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT có thay đổi ngành nghề kinh doanh khi nhận được thông tin từ cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh. Hệ thống tự động đối chiếu ngành nghề kinh doanh của

NNT sau khi thay đổi với ngành nghề kinh doanh đủ điều kiện sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT theo quy định tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

- Hệ thống tự động xác định NNT đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện tiếp tục sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT. Trường hợp, NNT thay đổi ngành nghề kinh doanh dẫn đến đủ điều kiện tiếp tục sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT. Ngay trong ngày làm việc, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động rà soát NNT không thuộc các trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT, trường hợp đáp ứng các điều kiện sử dụng HĐĐT theo quy định thì Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo về việc NNT tiếp tục sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT theo mẫu tại Phụ lục IV.A ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BTC, gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này, thông báo tới tài khoản của công chức thuế quản lý. Hệ thống tự động đồng bộ vào danh sách NNT tiếp tục sử dụng HĐĐT trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT và các ứng dụng quản lý thuế khác.

3. Thủ trưởng cơ quan thuế quản lý trực tiếp ban hành thông báo điện tử về việc NNT tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử đến NNT.

a) Đối với trường hợp tiếp tục sử dụng HĐĐT do NNT không có hành vi vi phạm pháp luật theo thông tin cung cấp từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc trường hợp trong quá trình kiểm tra cơ quan thuế xác định người nộp thuế không có hành vi trốn thuế, người nộp thuế không được thành lập để thực hiện mua bán, sử dụng hóa đơn điện tử không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn điện tử để trốn thuế theo quy định tại điểm 1.e, điểm 1.i khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Ngay trong ngày làm việc, CQT nhận được văn bản từ các cơ quan liên quan về các trường hợp được tiếp tục sử dụng HĐĐT do NNT không còn hành vi vi phạm pháp luật theo thông tin cung cấp từ cơ quan quản lý nhà nước khác hoặc kết quả đồng bộ dữ liệu từ ứng dụng kiểm tra sang Hệ thống HĐĐT-CTĐT. Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động rà soát, tạo thông báo về việc NNT tiếp tục sử dụng HĐĐT trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT theo mẫu tại Phụ lục IV.A Thông tư số 32/2025/TT-BTC. Công chức Bộ phận quản lý sử dụng thực hiện rà soát trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành về việc tiếp tục sử dụng HĐĐT của NNT, gửi thông báo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này. Hệ thống tự động đồng bộ vào danh sách NNT tiếp tục sử dụng HĐĐT trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT và các ứng dụng quản lý thuế khác.

b) Đối với trường hợp tiếp tục sử dụng HĐĐT do NNT không có hành vi vi phạm pháp luật theo thông tin cung cấp từ cơ quan quản lý nhà nước khác theo quy định tại điểm 1.đ, điểm 1.g khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Trong thời gian 01 ngày làm việc, CQT nhận được văn bản từ các cơ quan liên quan về các trường hợp được tiếp tục sử dụng HĐĐT do NNT không còn hành vi vi phạm pháp luật theo thông tin cung cấp từ cơ quan quản lý nhà nước khác. Công thông tin HĐĐT-CTĐT tự động rà soát, tạo thông báo về việc NNT tiếp tục sử dụng HĐĐT trên hệ thống HĐĐT-CTĐT theo mẫu tại Phụ lục IV.A Thông tư số 32/2025/TT-BTC. Công chức Bộ phận quản lý sử dụng thực hiện rà soát trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành về việc tiếp tục sử dụng HĐĐT của NNT, gửi thông báo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này. Hệ thống tự động đồng bộ vào danh sách NNT tiếp tục sử dụng HĐĐT trên Công thông tin HĐĐT-CTĐT và các ứng dụng quản lý thuế khác.

c) Đối với trường hợp tiếp tục sử dụng HĐĐT do NNT không thuộc diện rủi ro rất cao theo mức độ rủi ro NNT theo quy định tại điểm 1.k khoản 12 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

- Hệ thống HĐĐT-CTĐT thực hiện đối chiếu với danh sách được đồng bộ từ các ứng dụng quản lý thuế, ứng dụng quản lý rủi ro theo bộ tiêu chí đánh giá, xác định NNT thuộc diện rủi ro rất cao theo mức độ rủi ro NNT theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Ngay trong ngày làm việc khi xác định NNT không còn thuộc diện rủi ro rất cao, Công thông tin HĐĐT-CTĐT tự động rà soát, tạo thông báo về việc NNT tiếp tục sử dụng HĐĐT trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT theo mẫu tại Phụ lục IV.A Thông tư số 32/2025/TT-BTC. Công chức Bộ phận quản lý sử dụng thực hiện rà soát trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành về việc tiếp tục sử dụng HĐĐT của NNT, gửi thông báo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này. Hệ thống tự động đồng bộ vào danh sách NNT tiếp tục sử dụng HĐĐT trên Công thông tin HĐĐT-CTĐT và các ứng dụng quản lý thuế khác.

Điều 11. Công khai danh sách NNT sử dụng không hợp pháp hóa đơn theo quy định tại Điều 29 Nghị định 126/2020/NĐ-CP.

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu về danh sách hoá đơn không hợp pháp.

- Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động cập nhật Danh sách hóa đơn không hợp pháp đối với NNT sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian bị cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hoá đơn và các trường hợp khác theo quy định khi hệ thống quản lý thuế chưa kịp thời đồng bộ dữ liệu sang Hệ thống HĐĐT-CTĐT.

- Căn cứ kết luận của cơ quan có thẩm quyền, kết quả kiểm tra thuế của CQT xác định các hóa đơn không hợp pháp, Bộ phận quản lý sử dụng cập nhật thông tin vào danh sách hóa đơn không hợp pháp trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu và công khai danh sách người bán sử dụng không hợp pháp hóa đơn.

- Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động lập danh sách NNT sử dụng không hợp pháp hóa đơn căn cứ vào thông tin NNT tại danh sách hóa đơn không hợp pháp.

- Bộ phận quản lý sử dụng cập nhật thông tin NNT vào danh sách NNT sử dụng không hợp pháp hóa đơn trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT ngay sau khi có kết luận của cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định NNT sử dụng hóa đơn không hợp pháp.

- Bộ phận Kiểm tra cập nhật thông tin NNT vào danh sách NNT sử dụng không hợp pháp hóa đơn trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT ngay sau khi có kết quả kiểm tra thuế của CQT xác định NNT sử dụng hóa đơn không hợp pháp.

- Bộ phận quản lý sử dụng trình Phụ trách bộ phận, trình Lãnh đạo CQT phê duyệt danh sách NNT sử dụng không hợp pháp hóa đơn để thực hiện công khai trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

Điều 12. Cập nhật thông tin trường hợp NNT được sử dụng HĐĐT có mã không phải trả tiền dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (đã sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP).

1. Cập nhật danh sách địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Căn cứ danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, công chức Ban Nghiệp vụ thuế cập nhật trực tiếp danh sách địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT, bao gồm các thông tin: mã địa bàn, tên địa bàn, thời gian hiệu lực, số văn bản, ngày văn bản, cơ quan ban hành, trích yếu, trình Phụ trách Ban phê duyệt trực tiếp trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc cập nhật danh sách.

2. Cập nhật danh sách doanh nghiệp nhỏ và vừa theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Bộ Tài chính.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin danh sách doanh nghiệp nhỏ và vừa được sử dụng hóa đơn điện tử không phải trả tiền dịch vụ

đã được cấp thẩm quyền phê duyệt theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, công chức bộ phận Tiếp nhận dữ liệu cập nhật thông tin trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT (gồm MST, tên NNT, thời gian hiệu lực, số văn bản, ngày văn bản, cơ quan ban hành, trích yếu,...) trình Phụ trách bộ phận duyệt, trình Lãnh đạo CQT phê duyệt để cập nhật thông tin.

3. Cập nhật danh sách doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ, cá nhân kinh doanh tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là khu kinh tế, khu công nghệ cao (kể cả khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo quy định của Chính phủ); địa bàn kinh tế xã hội khó khăn là khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông tin, công chức bộ phận Tiếp nhận dữ liệu thực hiện rà soát, lập danh sách và cập nhật trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT. Thông tin cập nhật bao gồm: MST, tên NNT, thời gian hiệu lực, số văn bản, ngày văn bản, cơ quan ban hành, trích yếu,...) trình Phụ trách bộ phận duyệt, trình Lãnh đạo CQT phê duyệt trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT.

4. Cập nhật danh sách cơ quan thuế hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về danh sách cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công không phải trả tiền dịch vụ, công chức bộ phận Tiếp nhận dữ liệu thực hiện rà soát, lập danh sách đơn vị đáp ứng đủ điều kiện sử dụng HĐĐT cập nhật vào Hệ thống HĐĐT-CTĐT, thông tin cập nhật bao gồm: MST, tên NNT, thời gian hiệu lực, số văn bản, ngày văn bản, cơ quan ban hành, trích yếu,...) trình Phụ trách bộ phận duyệt, trình Lãnh đạo CQT phê duyệt trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT.

Điều 13. Rà soát, thông báo về việc NNT hết thời gian sử dụng HĐĐT có mã không thu tiền (Mẫu số 01/TB-KTT).

Định kỳ ngày 15 hàng tháng, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu và tạo thông báo Mẫu số 01/TB-KTT về việc NNT sắp hết thời gian sử dụng HĐĐT có mã không thu tiền trước ngày NNT hết thời gian sử dụng HĐĐT có mã không thu tiền.

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo Mẫu số 01/TB-KTT, công chức bộ phận quản lý sử dụng rà soát, trình Phụ trách bộ phận duyệt, trình Lãnh đạo CQT phê duyệt ban hành thông báo gửi cho NNT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Điều 14. Cập nhật danh mục địa bàn cấp xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ danh mục tổng hợp đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) trên địa bàn được ưu đãi đầu tư, công chức Ban Nghiệp vụ thuế cập nhật trực tiếp trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT, bao gồm các thông tin: mã địa bàn, tên địa bàn, thời gian hiệu lực, số văn bản, ngày văn bản, cơ quan ban hành, trích yếu, trình Phụ trách Ban phê duyệt trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành việc cập nhật danh sách.

Điều 15. Cập nhật và đồng bộ danh sách NNT sử dụng HĐĐT có mã của CQT.

- Căn cứ thông tin đăng ký thuế, đăng ký sử dụng HĐĐT của người nộp thuế, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động lập danh sách NNT thuộc diện sử dụng HĐĐT có mã của CQT bao gồm: MST, tên NNT, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh, hình thức gửi dữ liệu HĐĐT, phương thức chuyển dữ liệu HĐĐT.

- Công chức Bộ phận quản lý sử dụng rà soát Danh sách người nộp thuế đang sử dụng hóa đơn điện tử không có mã có nhu cầu chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 32/2025/TT-BTC và Danh sách NNT có rủi ro cao về thuế đồng bộ từ Hệ thống TPR và các Ứng dụng Quản lý rủi ro phải chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, đã được CQT ra Thông báo về việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (Mẫu số 01/TB-KTT Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 32/2025/TT-BTC, trình phụ trách bộ phận và Lãnh đạo Cơ quan thuế phê duyệt cập nhật vào danh sách NNT sử dụng HĐĐT có mã của CQT trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT.

Điều 16. Cập nhật danh sách NNT sử dụng HĐĐT không có mã của CQT.

- Căn cứ thông tin đăng ký thuế, đăng ký sử dụng HĐĐT của người nộp thuế, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động lập danh sách NNT sử dụng HĐĐT không có mã của CQT bao gồm: MST, tên NNT, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh, hình thức gửi dữ liệu HĐĐT, phương thức chuyển dữ liệu HĐĐT.

- Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động cập nhật danh sách NNT sử dụng HĐĐT không có mã của CQT căn cứ theo danh sách người nộp thuế có nhu cầu chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và Thông báo của cơ quan thuế về việc NNT chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 15 Quy trình này.

Điều 17. Cập nhật danh sách NNT ủy nhiệm cho sàn thương mại điện tử xuất hóa đơn điện tử.

Theo quy định tại Nghị định 85/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử và quy định tại các văn bản pháp luật về hoạt động thương mại điện tử, định kỳ chậm nhất ngày mùng 05 của tháng tiếp theo công chức CCT TMĐT rà soát, lập danh sách sàn thương mại điện tử đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định phát sinh trong tháng, trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Lãnh đạo CCT TMĐT phê duyệt cập nhật vào Hệ thống HĐĐT-CTĐT.

Căn cứ danh sách người nộp thuế ủy nhiệm cho sàn thương mại điện tử lập hóa đơn điện tử gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trên tờ khai thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT, sàn thương mại điện tử lập hóa đơn thay người nộp thuế hoạt động trên sàn thương mại điện tử theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

Mục 3.

TIẾP NHẬN DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ, CHỨNG TỬ ĐIỆN TỬ

Điều 18. Tiếp nhận và cấp mã của CQT cho HĐĐT có mã.

Bước 1. Đối chiếu thông tin HĐĐT.

Trong thời gian 05 phút kể từ khi Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tiếp nhận HĐĐT đề nghị cấp mã từ NNT (không bao gồm HĐĐT theo từng lần phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quy trình này), Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu các thông tin, bao gồm:

- Mã số thuế phải có trạng thái đang hoạt động (trạng thái 00, 02).
- Các chỉ tiêu trên hóa đơn đúng chuẩn dữ liệu.
- Chữ ký số của NNT theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. và phù hợp với thông tin NNT đã đăng ký trên Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT.
- Loại hóa đơn phù hợp với thông tin NNT đã đăng ký trên Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT.
- Số hóa đơn là duy nhất trong một ký hiệu hóa đơn của NNT.
- NNT không thuộc trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT.

- HĐĐT có thời điểm lập phù hợp với hình thức áp dụng HĐĐT theo đăng ký sử dụng của NNT hoặc các thông báo của CQT đã gửi NNT.

- Trường hợp NNT gửi HĐĐT qua tổ chức truyền nhận, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thêm các thông tin đối với tổ chức truyền nhận theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quy trình.

- Trường hợp NNT ủy nhiệm lập hóa đơn, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thêm các thông tin đối với hóa đơn ủy nhiệm theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quy trình.

- Trường hợp hoá đơn tích hợp, hệ thống kiểm tra trạng thái hoạt động bên thu, loại HĐ tích hợp, ký hiệu mẫu số HĐ tích hợp, ký hiệu HĐ tích hợp phù hợp với thông tin đã đăng ký.

- Trường hợp hóa đơn đề nghị cấp mã là hóa đơn thay thế thì tình trạng hóa đơn bị thay thế phải đảm bảo: chưa bị hủy, chưa bị thay thế, chưa bị điều chỉnh và không phải là hóa đơn điều chỉnh. Khi NNT đề nghị cấp mã một hoá đơn thay thế cho nhiều hoá đơn, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thông tin người mua, tên hàng, đơn giá, thuế suất trên hoá đơn thay thế với các thông tin hoá đơn lập sai trên bảng kê Mẫu số 01/BK-ĐCTT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

- Trường hợp hóa đơn đề nghị cấp mã là hóa đơn điều chỉnh thì tình trạng hóa đơn bị điều chỉnh phải đảm bảo: chưa bị hủy, chưa bị thay thế, không phải là hóa đơn điều chỉnh và không phải là hóa đơn thay thế. Khi NNT đề nghị cấp mã một hoá đơn điều chỉnh cho nhiều hoá đơn, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thông tin người mua, tên hàng, đơn giá, thuế suất trên hoá đơn điều chỉnh với các thông tin hoá đơn lập sai trên bảng kê Mẫu số 01/BK-ĐCTT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

Bước 2. Cấp mã cho HĐĐT.

Trường hợp HĐĐT đảm bảo thông tin theo quy định tại Bước 1 Điều này, Hệ thống HĐĐT-CTĐT thực hiện cấp mã hóa đơn, ký số nhân danh Cục Thuế và gửi cho NNT chậm nhất trong thời gian 05 phút kể từ thời điểm nhận được HĐĐT đề nghị cấp mã theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy trình.

Trường hợp HĐĐT không đảm bảo thông tin theo quy định tại Bước 1 Điều này, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo kết quả kiểm tra dữ liệu HĐĐT (Mẫu số 01/TB-KTDL tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP), ký nhân danh Cục Thuế và gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Điều 19. Tiếp nhận HĐĐT không có mã chuyển theo phương thức chuyển đầy đủ nội dung hoá đơn theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP

Trong thời gian 15 phút kể từ khi nhận được gói dữ liệu HĐĐT không có mã của NNT, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thông tin gói dữ liệu của NNT, bao gồm:

- Mã số thuế của NNT phải có trạng thái đang hoạt động (trạng thái 00, 02).
- Các chỉ tiêu trên hóa đơn đúng chuẩn dữ liệu.
- NNT không thuộc trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT.
- Chữ ký số của NNT theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với thông tin NNT đã đăng ký trên Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT.
- Trường hợp NNT gửi HĐĐT qua tổ chức truyền nhận, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thêm các thông tin đối với tổ chức truyền nhận theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quy trình.
- Trường hợp doanh nghiệp/tổ chức kết nối gửi dữ liệu trực tiếp đến CQT thì đối chiếu trạng thái MST của doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp phải đang hoạt động (00).
- Số lượng hóa đơn trong gói dữ liệu phải khớp đúng với số lượng hóa đơn trong thông tin chung của gói dữ liệu HĐĐT.
- NNT không thuộc danh sách sử dụng HĐĐT có mã của CQT nếu là gói dữ liệu HĐĐT không có mã.

Căn cứ kết quả đối chiếu các thông tin nêu trên, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo Mẫu số 01/TB-KTDL, ký nhân danh Cục Thuế và gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Điều 20. Tiếp nhận dữ liệu hóa đơn không có mã chuyển theo phương thức chuyển dữ liệu HĐĐT theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

1. Tiếp nhận dữ liệu hóa đơn.

Trong thời gian 15 phút kể từ khi nhận được gói dữ liệu HĐĐT không mã theo bảng tổng hợp của NNT) theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thông tin gói dữ liệu của NNT gồm:

- Mã số thuế của NNT phải có trạng thái đang hoạt động (trạng thái 00, 02).

- Các chỉ tiêu trên bảng tổng hợp đúng Chuẩn dữ liệu.
- NNT không thuộc trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT.
- Chữ ký số của NNT theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với thông tin NNT đã đăng ký trên Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT.
- Trường hợp NNT gửi HĐĐT qua tổ chức truyền nhận, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thêm các thông tin đối với tổ chức truyền nhận theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quy trình.
- Trường hợp doanh nghiệp/tổ chức kết nối gửi dữ liệu trực tiếp đến CQT thì đối chiếu trạng thái MST của doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp phải đang hoạt động (00).
- Số lượng bảng tổng hợp trong gói dữ liệu phải khớp đúng với số lượng bảng tổng hợp trong thông tin chung của gói dữ liệu HĐĐT.

Sau khi nhận đủ dữ liệu, Hệ thống kiểm tra thông tin bảng tổng hợp. Trong trường hợp khớp đúng, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo Mẫu số 01/TB-KTDL, ký nhân danh Cục Thuế và gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

2. Đơn đốc NNT gửi dữ liệu HĐĐT theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn.

Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tổng hợp danh sách theo dõi người nộp thuế chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo Mẫu số 01-8/QTr-HĐĐT và tổng hợp tình hình chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01-9/QTr-HĐĐT ban hành kèm theo Quy trình, lập danh sách NNT đã gửi, chưa gửi hoặc gửi chậm bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử hàng tháng/quý để CQT ra thông báo đơn đốc nộp.

Hết thời hạn nộp bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử theo Mẫu số 01/TH-HĐĐT, Bộ phận quản lý sử dụng rà soát danh sách NNT chưa nộp, nộp chậm bảng tổng hợp để xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 21. Tiếp nhận và cấp mã đối với HĐĐT theo từng lần phát sinh theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

1. Tiếp nhận và cấp mã HĐĐT.

Bước 1. Tiếp nhận đề nghị của NNT về việc cấp HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

a) Tiếp nhận đề nghị cấp HĐĐT có mã CQT theo từng lần phát sinh theo Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP theo

phương thức điện tử trong trường hợp NNT đã có chữ ký số hoặc tài khoản sử dụng Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

- Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tiếp nhận đề nghị cấp HĐĐT có mã do NNT lập và gửi theo các phương thức quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy trình này, kiểm tra thông tin của NNT đề nghị cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh, tự động gửi thông báo tiếp nhận/không tiếp nhận đề nghị cấp hóa đơn của NNT.

Trong thời gian 15 phút kể từ khi nhận được đề nghị cấp HĐĐT có mã, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động kiểm tra thông tin sau:

+ Trạng thái MST của NNT khác trạng thái 06 (người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký) hoặc NNT đã được CQT ban hành thông báo về việc sử dụng hóa đơn điện tử theo lần phát sinh.

+ Thông tin tên, số căn cước\căn cước công dân\mã định danh\hộ chiếu người đại diện theo pháp luật của NNT khớp đúng với thông tin trên Mẫu số 06/ĐN-PSĐT Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo phản hồi về hồ sơ đề nghị cấp HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh (Mẫu số 01/TB-KTDL phụ lục IB Nghị định 70/2025/NĐ-CP), ký nhân danh Cục Thuế và gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

b) Tiếp nhận đề nghị cấp HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh (Mẫu số 06/ĐN-PSĐT ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) trong trường hợp NNT chưa có chữ ký số và tài khoản sử dụng Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

Công chức thuộc Bộ phận Tiếp nhận dữ liệu kiểm tra việc NNT gửi đề nghị cấp hóa đơn có mã đến đúng CQT quản lý, tiếp nhận đề nghị Mẫu số 06/ĐN-PSĐT ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP bản giấy có ký, đóng dấu của NNT (nếu có); hướng dẫn NNT nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế theo quy định tại luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp NNT gửi một đơn đề nghị cấp HĐĐT có mã của CQT cho nhiều hóa đơn của nhiều người mua thì công chức thuế hướng dẫn NNT khai đầy đủ thông tin từng người mua.

Bước 2. Đối chiếu thông tin trên đề nghị cấp HĐĐT có mã CQT theo từng lần phát sinh.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị cấp HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh theo quy định, công chức thuộc bộ phận Tiếp nhận dữ liệu thực hiện:

- Rà soát đối chiếu với các thông tin trên đề nghị cấp HĐĐT có mã CQT theo từng lần phát sinh tại Mẫu số 06/ĐN-PSĐT với hồ sơ khai thuế của NNT theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; đảm bảo tính chính xác của thông tin trên HĐĐT theo từng lần phát sinh được cơ quan thuế cấp mã.

- Đối chiếu chứng từ nộp thuế của NNT thuộc trường hợp được cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP đảm bảo NNT nộp đầy đủ số thuế phát sinh trên hóa đơn đề nghị cấp theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp hoặc số phát sinh phải nộp theo pháp luật quản lý thuế và các loại thuế, phí khác (nếu có).

Bước 3. Trình, phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh.

Sau khi doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã nộp đủ thuế hoặc số phát sinh phải nộp theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP, ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo, công chức thuộc bộ phận Tiếp nhận dữ liệu trình phụ trách bộ phận phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh. Phụ trách Bộ phận xem xét trình Thủ trưởng CQT (hoặc người được Thủ trưởng CQT phân công, ủy quyền) duyệt hồ sơ đề nghị cấp HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh.

Công chức thuộc bộ phận Tiếp nhận dữ liệu cấp mã cho hồ sơ của NNT và cấp tài khoản cho NNT sử dụng để lập hóa đơn trực tiếp trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT đối với trường hợp NNT chưa có tài khoản sử dụng Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT. Mã hồ sơ của NNT được Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự sinh đảm bảo tính duy nhất, theo từng lần đề nghị, theo từng NNT, gửi đến địa chỉ thư điện tử hoặc tin nhắn điện thoại của NNT đã đăng ký trên Mẫu số 06/ĐN-PSĐT ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Trường hợp quá thời hạn nộp thuế mà NNT chưa nộp hoặc khai hồ sơ khai thuế không đúng quy định, công chức thuế rà soát, lập thông báo phản hồi về hồ sơ đề nghị cấp HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh (Mẫu số 01/TB-KTDL phụ lục IB Nghị định 70/2025/NĐ-CP), ghi rõ lý do không chấp nhận hồ sơ trình Phụ trách bộ phận duyệt, trình Lãnh đạo CQT phê duyệt gửi NNT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Bước 4. Tiếp nhận HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh.

NNT sử dụng tài khoản trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT để lập HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh.

Sau khi NNT đã nộp đủ thuế hoặc số phát sinh phải nộp ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo, công chức thuộc bộ phận Tiếp nhận dữ liệu đối chiếu thông tin hoá đơn điện tử đề nghị cấp mã với hồ sơ đề nghị cấp HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh. Đối với đề nghị cấp nhiều HĐĐT có mã của CQT theo từng lần phát sinh trong một lần đề nghị, công chức thuộc Bộ phận tiếp nhận đối chiếu thông tin trên từng HĐĐT (thông tin người mua, tên hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, thành tiền, hợp đồng, ...) với hồ sơ đề nghị cấp HĐĐT, tờ khai đề nghị cấp hóa đơn gắn với từng mã hồ sơ đã được CQT cấp cho NNT. Trường hợp thông tin khớp đúng, công chức thuộc bộ phận Tiếp nhận dữ liệu thực hiện xác nhận để Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động cấp mã theo quy định tại Điều 18 Quy trình này. Trường hợp thông tin không khớp đúng, công chức thuộc bộ phận Tiếp nhận dữ liệu từ chối phê duyệt, hướng dẫn NNT lập HĐĐT mới để gửi cấp mã theo quy định tại Điều 18 Quy trình này.

2. Thay thế, điều chỉnh HĐĐT cấp mã của CQT theo từng lần phát sinh

Trường hợp NNT phát hiện lập sai HĐĐT cấp theo từng lần phát sinh sau khi CQT cấp mã, bộ phận Tiếp nhận dữ liệu hướng dẫn NNT lập đề nghị cấp HĐĐT theo mẫu 06/ĐN-PSĐT Phụ lục IA ban hành kèm Nghị định số 70/2025/NĐ-CP gửi CQT để thay thế/điều chỉnh HĐĐT đã được cấp mã lập sai.

Công chức bộ phận Tiếp nhận dữ liệu tiếp nhận đề nghị cấp HĐĐT Mẫu 06/ĐN-PSĐT trong trường hợp hóa đơn cấp theo từng lần phát sinh lập sai theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 21 Quy trình này.

Điều 22. Tiếp nhận dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử chuyển theo phương thức chuyển đầy đủ nội dung chứng từ khấu trừ theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Trong thời gian 15 phút kể từ khi nhận được gói dữ liệu chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử của NNT, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thông tin gói dữ liệu của NNT, bao gồm:

- Mã số thuế của NNT không thuộc các trạng thái 01, 06.
- Các chỉ tiêu trên chứng từ khấu trừ thuế TNCN đúng chuẩn dữ liệu.
- Chữ ký số của NNT theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với thông tin NNT đã đăng ký trên Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT.

- Kiểm tra thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ mà tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng CTĐT, kê khai trên tờ khai có thuộc danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đáp ứng điều kiện theo quy định như:

- + Tên tổ chức cung cấp dịch vụ.
- + Mã số thuế ở trạng thái 00, 02.
- + Thời gian cung cấp dịch vụ: kiểm tra thời gian hiệu lực của hợp đồng.

- Kiểm tra thông tin của đơn vị truyền nhận mà tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng CTĐT, kê khai trên tờ khai có thuộc danh sách tổ chức truyền nhận đáp ứng điều kiện theo quy định.

- + Tên đơn vị truyền nhận.
- + Mã số thuế ở trạng thái 00, 02.
- + Thời gian cung cấp truyền nhận: kiểm tra thời gian hiệu lực.

- Trường hợp NNT gửi HĐĐT qua doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu trạng thái MST của doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp phải đang hoạt động (00, 02).

Căn cứ kết quả đối chiếu, Trong thời gian 15 phút Công thông tin HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo tiếp nhận/không tiếp nhận theo Mẫu số 01/TB-TNĐT, ký và gửi tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng CTĐT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

- Số lượng chứng từ khấu trừ trong gói dữ liệu phải khớp đúng với số lượng chứng từ khấu trừ trong thông tin chung của gói dữ liệu CTĐT.

Căn cứ kết quả đối chiếu các thông tin nêu trên, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo Mẫu số 01/TB-KTDL, ký nhân danh Cục Thuế và gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Điều 23. Sử dụng chứng từ

Bước 1.

Căn cứ Thông báo nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân đã được phê duyệt trên Hệ thống TMS đồng bộ sang Hệ thống HĐĐT-CTĐT, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động lập danh sách NNT phải nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn quản lý.

Bước 2.

Công chức thuế thuộc bộ phận Quản lý sử dụng rà soát danh sách, phân loại NNT nộp thuế trên ứng dụng Etax mobile và NNT nộp thuế trực tiếp, trình Phụ trách, trình Lãnh đạo cơ quan thuế duyệt cập nhật vào Hệ thống HĐĐT-CTĐT để tự động tạo biên lai điện tử theo Mẫu CTT50 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BT, ký đích danh Cơ quan thuế. Trường hợp lập sai biên lai điện tử thì xử lý theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP. CQT giao biên lai cho NNT sau khi đã thu đủ tiền thuế trên Thông báo.

Bước 3.

Căn cứ các biên lai điện tử Mẫu CTT50 đã giao cho NNT, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động lập Bảng kê thanh toán biên lai theo Mẫu số CTT25/AC tại Quy trình Quản lý ấn chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1195/QĐ-CT ngày 7/5/2025 của Cục Thuế và Báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo Mẫu số BC26/BLĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

Điều 24. Tiếp nhận và thông báo theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT đối với NNT gửi dữ liệu đến CQT theo phương thức chuyển đầy đủ nội dung từng hóa đơn

Bước 1. Tiếp nhận thông báo hóa đơn điện tử đã lập sai Mẫu số 04/SS-HĐĐT

Trong thời gian 15 phút kể từ khi nhận được thông báo Mẫu số 04/SS-HĐĐT của NNT theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP; Công thông tin HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu gói dữ liệu của NNT gồm:

- + Tên tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng HĐĐT
- Mã số thuế của NNT không thuộc các trạng thái 01, 02, 06.
- Các chỉ tiêu trên thông báo đúng Chuẩn dữ liệu.
- Chữ ký số của NNT theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Số lượng thông báo HĐĐT có lập sai trong gói dữ liệu phải khớp đúng với số lượng thông báo HĐĐT có lập sai trong thông tin chung của gói dữ liệu.
- Kiểm tra thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ mà tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng HĐĐT, kê khai trên tờ khai có thuộc danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đáp ứng điều kiện theo quy định như:
 - + Tên tổ chức cung cấp dịch vụ.
 - + Mã số thuế ở trạng thái 00, 02.
 - + Thời gian cung cấp dịch vụ: kiểm tra thời gian hiệu lực của hợp đồng.

- Kiểm tra thông tin của đơn vị truyền nhận mà tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng HĐĐT, kê khai trên tờ khai có thuộc danh sách tổ chức truyền nhận đáp ứng điều kiện theo quy định.

+ Tên đơn vị truyền nhận.

+ Mã số thuế ở trạng thái 00, 02.

+ Thời gian cung cấp truyền nhận: kiểm tra thời gian hiệu lực.

- Trường hợp doanh nghiệp/tổ chức kết nối gửi dữ liệu trực tiếp đến CQT thì đối chiếu trạng thái MST của doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp phải đang hoạt động (00).

- Kiểm tra nhập trùng ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn trên cùng một thông báo lập sai.

Căn cứ kết quả đối chiếu, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tạo thông báo tiếp nhận/không tiếp nhận Mẫu số 01/TB-KTDL, ký nhân danh Cục Thuế và gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Bước 2. Xử lý thông tin thông báo Mẫu số 04/SS-HĐĐT theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo Mẫu số 01/TB-KTDL, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu sự tồn tại của từng hóa đơn trong thông báo HĐĐT lập sai NNT gửi.

Đối với thông báo giải trình của NNT (Mẫu số 04/SS-HĐĐT) cho thông báo HĐĐT cần rà soát của CQT (Mẫu số 01/TB-RSDT) thì đối chiếu sự tồn tại thông báo của CQT.

Bước 3. Ban hành thông báo về việc kết quả xử lý về việc hoá đơn điện tử đã lập sai (Mẫu số 01/TB-SSĐT) gửi NNT.

Căn cứ kết quả đối chiếu, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tạo thông báo về kết quả xử lý về việc HĐĐT đã lập sai (Mẫu số 01/TB-SSĐT):

- Trường hợp CQT tiếp nhận thông báo Mẫu 04/SS-HĐĐT tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP do NNT gửi đến theo quy định tại điểm 1.a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP thì Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo Mẫu số 01/TB-SSĐT, ký nhân danh CQT và gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

- Trường hợp CQT tiếp nhận thông báo Mẫu 04/SS-HĐĐT tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP do NNT gửi đến theo quy định tại điểm 2 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo Mẫu số 01/TB-KTDL về việc tiếp nhận thông báo HĐĐT đã lập sai của NNT, công chức bộ phận Quản lý sử dụng thực hiện rà soát trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành thông báo Mẫu số 01/TB-SSĐT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình.

Điều 25. Tiếp nhận và thông báo theo Mẫu số 04/SS-CTĐT đối với NNT gửi dữ liệu đến CQT theo phương thức chuyển đầy đủ nội dung từng chứng từ

Bước 1. Tiếp nhận thông báo Mẫu số 04/SS-CTĐT.

Trong thời gian 15 phút kể từ khi nhận được thông báo Mẫu số 04/SS-CTĐT của NNT theo quy định tại khoản 13, khoản 22 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP; Công thông tin HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu gói dữ liệu của NNT gồm:

- Mã số thuế của NNT không thuộc các trạng thái 01, 02, 06.
- Các chỉ tiêu trên thông báo đúng Chuẩn dữ liệu.
- Chữ ký số của NNT theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Số lượng thông báo CTĐT có lập sai trong gói dữ liệu phải khớp đúng với số lượng thông báo CTĐT có lập sai trong thông tin chung của gói dữ liệu.
- Kiểm tra thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ mà tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng CTĐT, kê khai trên tờ khai có thuộc danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đáp ứng điều kiện theo quy định như:
 - + Tên tổ chức cung cấp dịch vụ.
 - + Mã số thuế ở trạng thái 00, 02.
 - + Thời gian cung cấp dịch vụ: kiểm tra thời gian hiệu lực của hợp đồng.
- Kiểm tra thông tin của đơn vị truyền nhận mà tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng CTĐT, kê khai trên tờ khai có thuộc danh sách tổ chức truyền nhận đáp ứng điều kiện theo quy định.
 - + Tên đơn vị truyền nhận.
 - + Mã số thuế ở trạng thái 00, 02.
 - + Thời gian cung cấp truyền nhận: kiểm tra thời gian hiệu lực.
- Trường hợp NNT gửi CTĐT qua doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu trạng thái MST của doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp phải đang hoạt động (00, 02).
- Kiểm tra nhập trùng ký hiệu mẫu số CTĐT, ký hiệu CTĐT, số CTĐT trên cùng một thông báo lập sai.

Căn cứ kết quả đối chiếu, Công thông tin HĐĐT-CTĐT tạo thông báo tiếp nhận/không tiếp nhận Mẫu số 01/TB-KTDL, ký nhân danh Cục Thuế và gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Bước 2. Xử lý thông tin thông báo Mẫu số 04/SS-CTĐT theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo Mẫu số 01/TB-KTDL, Hệ thống HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu sự tồn tại của từng chứng từ trong thông báo CTĐT lập sai NNT gửi.

Đối với thông báo giải trình của NNT (Mẫu số 04/SS-CTĐT) cho thông báo CTĐT cần rà soát của CQT (Mẫu số 01/TB-RSĐT) thì đối chiếu sự tồn tại thông báo của CQT để xử lý.

Bước 3. Ban hành thông báo về việc kết quả xử lý về việc CTĐT đã lập sai (Mẫu số 01/TB-SSĐT) gửi NNT.

Căn cứ kết quả đối chiếu, Công thông tin HĐĐT-CTĐT tạo thông báo về kết quả xử lý về việc CTĐT đã lập sai (Mẫu số 01/TB-SSĐT):

- Trường hợp CQT tiếp nhận thông báo Mẫu 04/SS-CTĐT tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP do NNT gửi đến theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP thì Công thông tin HĐĐT-CTĐT tự động tạo thông báo Mẫu số 01/TB-SSĐT, ký nhân danh CQT và gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

- Trường hợp CQT tiếp nhận thông báo Mẫu 04/SS-CTĐT do NNT gửi đến để giải trình chứng từ điện tử đã lập sai theo mẫu tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo Mẫu số 01/TB-KTDL về việc tiếp nhận thông báo CTĐT đã lập sai của NNT, công chức bộ phận Quản lý sử dụng thực hiện rà soát trình phụ trách bộ phận duyệt, trình Thủ trưởng CQT ký ban hành thông báo Mẫu số 01/TB-SSĐT theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Quy trình.

Điều 26. Tiếp nhận, xử lý Báo cáo tình hình sử dụng biên lai điện tử theo mẫu số BC26/BLĐT ban hành kèm theo Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

Công thông tin HĐĐT-CTĐT tiếp nhận Báo cáo tình hình sử dụng biên lai điện tử theo mẫu số BC26/BLĐT, tự động đối chiếu:

- Mã số thuế thuộc các trạng thái (00, 02, 03, 05, 09).
- Các chỉ tiêu trên tờ khai đúng Chuẩn dữ liệu.

- Chữ ký số của NNT theo đúng quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Đối chiếu thông tin chung của tờ khai đảm bảo tính hợp lệ của loại kỳ, trạng thái của tờ khai.
- Trường hợp NNT gửi qua Tổ chức cung cấp dịch vụ thuế điện tử, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tự động đối chiếu thêm các thông tin đối với tổ chức truyền nhận theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quy trình.

Căn cứ kết quả đối chiếu, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tạo thông báo Mẫu số 01/TB-KTDL, ký nhân danh Cục Thuế và gửi NNT theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6 Quy trình này.

Hệ thống HĐĐT-CTĐT thực hiện tiếp nhận tự động báo cáo tình hình sử dụng biên lai điện tử theo Mẫu số BC26/BLĐT. Hệ thống tự động tổng hợp thông tin báo cáo sử dụng biên lai điện tử của các đơn vị theo Mẫu số 02-11/QTr-BLĐT, đơn đốc tổ chức thu phí, lệ phí báo cáo tình hình sử dụng định kỳ theo quy định. Công chức bộ phận Quản lý sử dụng kiểm tra thông tin báo cáo sử dụng biên lai điện tử của các đơn vị theo quy định.

Mục 4.

QUẢN LÝ VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN

Điều 27. Quản lý đối với doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp.

1. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp.

a) Tiếp nhận và rà soát sơ bộ về hồ sơ đăng ký.

Sau khi nhận được hồ sơ (văn bản đề nghị kết nối trực tiếp của doanh nghiệp/tổ chức và các tài liệu liên quan), trong thời gian 03 ngày làm việc, CQT quản lý trực tiếp căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP thực hiện rà soát sơ bộ tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ đăng ký, xem xét điều kiện về số lượng hóa đơn sử dụng và danh sách công ty con (nếu có) đồng thời cập nhật trạng thái đã nhận được hồ sơ đề nghị kết nối trực tiếp của doanh nghiệp, tổ chức trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT.

Trường hợp hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp, tổ chức chưa đầy đủ thông tin, tài liệu mô tả kỹ thuật, thì CQT quản lý trực tiếp thông báo cho Ban CDS để yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức kinh tế bổ sung thông tin, tài liệu còn thiếu trong thời gian 05 ngày làm việc. Sau thời gian này nếu doanh nghiệp, tổ chức không bổ sung đầy đủ

thì CQT quản lý trực tiếp trả lời không chấp nhận bằng văn bản, gửi cho doanh nghiệp, tổ chức đồng thời thông báo cho Ban CDS cập nhật trạng thái từ chối kết nối trực tiếp của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT. Trường hợp hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã đầy đủ thông tin, tài liệu mô tả kỹ thuật, CQT quản lý trực tiếp gửi hồ sơ đến Ban CDS để xem xét, đánh giá các điều kiện kỹ thuật đáp ứng. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ban CDS gửi kết quả đánh giá các điều kiện kỹ thuật cho CQT quản lý trực tiếp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được kết quả đánh giá của Ban CDS, CQT quản lý trực tiếp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thông báo cho doanh nghiệp, tổ chức về lịch kiểm thử kết nối, có đầu mối liên hệ tại Ban CDS để doanh nghiệp, tổ chức kinh tế liên hệ thống nhất các nội dung kết nối, kiểm thử hệ thống. Ban CDS trình Lãnh đạo Cục Thuế trả lời bằng văn bản trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức đáp ứng/ không đáp ứng các yêu cầu về giải pháp kỹ thuật, tiêu chuẩn truyền nhận dữ liệu HĐĐT (gửi kèm chi tiết kết quả rà soát kỹ thuật của Ban CDS), gửi cho doanh nghiệp, tổ chức đồng thời cập nhật trạng thái từ chối kết nối trực tiếp của doanh nghiệp, tổ chức trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT. Trong trường hợp tài liệu mô tả kỹ thuật chưa có đủ nội dung về việc đáp ứng các yêu cầu về giải pháp kỹ thuật, tiêu chuẩn truyền nhận dữ liệu HĐĐT thì Ban CDS gửi Thông báo yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức bổ sung thông tin.

b) Tổ chức kết nối, kiểm thử hệ thống.

Trong thời gian 10 ngày làm việc, Ban CDS tổ chức kết nối, kiểm thử hệ thống với doanh nghiệp, tổ chức đăng ký kết nối trực tiếp. Kết quả kết nối kỹ thuật được ghi nhận bằng biên bản.

Sau khi hoàn tất việc kết nối kỹ thuật, Ban CDS trình Lãnh đạo Cục Thuế thông báo kết quả cho CQT quản lý trực tiếp doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

c) Trả lời văn bản về việc kết nối trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp.

Trên cơ sở Thông báo kết quả kiểm tra kết nối kỹ thuật của Ban CDS trong thời gian 02 ngày làm việc, CQT quản lý trực tiếp có Thông báo không chấp nhận trả lời doanh nghiệp, tổ chức kinh tế kết nối trực tiếp.

Trường hợp các doanh nghiệp, tổ chức được CQT chấp nhận kết nối trực tiếp thì Ban CDS thực hiện cấp tài khoản kết nối, truyền nhận dữ liệu theo quy định tại Mục 6 Quy trình này, Thông báo cho doanh nghiệp, tổ chức biết đồng thời cập nhật danh sách doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp trên Hệ thống HĐĐT-CTĐT.

2. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ thay đổi thông tin của doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp.

a) Tiếp nhận, rà soát sơ bộ hồ sơ thay đổi thông tin của doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp.

Sau khi nhận được hồ sơ thay đổi thông tin của doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp (văn bản đề nghị thay đổi thông tin và các tài liệu liên quan đính kèm), trong thời gian 02 ngày làm việc, CQT quản lý trực tiếp doanh nghiệp, tổ chức rà soát sơ bộ tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, CQT quản lý trực tiếp đề nghị doanh nghiệp, tổ chức bổ sung hồ sơ trong thời gian 05 ngày làm việc. Quá thời hạn trên, doanh nghiệp, tổ chức không bổ sung hồ sơ, CQT quản lý trực tiếp doanh nghiệp, tổ chức trả lời bằng văn bản về việc không chấp nhận thay đổi và gửi cho doanh nghiệp, tổ chức.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, CQT quản lý trực tiếp doanh nghiệp, tổ chức thực hiện bước tiếp theo.

b) Rà soát và xử lý hồ sơ thay đổi thông tin của doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp.

Trường hợp các nội dung thay đổi không làm ảnh hưởng đến việc kết nối như thay đổi danh sách công ty con truyền nhận, CQT quản lý trực tiếp gửi văn bản đề nghị Ban CDS cập nhật thông tin trên Hệ thống HNĐT-CTĐT, thông báo cho doanh nghiệp, tổ chức biết.

Trường hợp nội dung thay đổi liên quan đến hạ tầng kỹ thuật của doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp, trong thời gian 01 ngày làm việc, CQT quản lý trực tiếp chuyển nội dung thay đổi thông tin cho Ban CDS. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Ban CDS rà soát các nội dung thay đổi kỹ thuật, đánh giá ảnh hưởng và phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp để thống nhất kế hoạch và thực hiện kết nối hạ tầng kỹ thuật, kiểm thử khả năng nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn (nếu cần). Kết quả kết nối kỹ thuật được ghi nhận bằng biên bản.

Sau khi hoàn tất việc kết nối kỹ thuật, Ban CDS thông báo kết quả cho CQT quản lý trực tiếp doanh nghiệp, tổ chức để trả lời bằng văn bản về việc chấp nhận thay đổi của doanh nghiệp, tổ chức.

3. Xử lý ngừng kết nối của doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp

Sau khi nhận được hồ sơ ngừng kết nối của doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp (văn bản đề nghị thay đổi thông tin và các tài liệu liên quan đính kèm), trong

thời gian 02 ngày làm việc, CQT quản lý trực tiếp doanh nghiệp, tổ chức rà soát sơ bộ tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thực hiện chuyển danh sách cho Ban CDS.

Trong thời gian 03 ngày làm việc, Ban CDS phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp thực hiện lập biên bản đối soát các dữ liệu HĐĐT truyền nhận với Cục Thuế: số lượng hóa đơn, thông báo đã gửi đến CQT; số lượng hóa đơn còn đọng, ngày ngừng kết nối,...

Sau khi hoàn tất việc ngừng kết nối, Ban CDS thông báo kết quả cho CQT quản lý trực tiếp doanh nghiệp, tổ chức để trả lời bằng văn bản về việc chấp nhận ngừng kết nối và gửi cho doanh nghiệp, tổ chức biết.

Điều 28. Quản lý và cung cấp thông tin cho tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

1. Tiếp nhận đề nghị đăng tải công khai thông tin của tổ chức cung cấp giải pháp HĐĐT.

a) Ban CDS trình Lãnh đạo Cục Thuế kế hoạch, phương án và thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế về việc tiếp nhận đề nghị đăng tải công khai thông tin của tổ chức cung cấp giải pháp HĐĐT.

b) Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Ban CDS đánh giá hồ sơ theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 32/2025/TT-BTC, trình Lãnh đạo Cục Thuế phê duyệt kết quả đánh giá để thực hiện đăng công khai tài liệu mô tả dịch vụ và cam kết của tổ chức lên Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế đối với các tổ chức đáp ứng đầy đủ tiêu chí. Trường hợp tổ chức không đáp ứng đầy đủ tiêu chí, Ban CDS trình Cục Thuế gửi văn bản đến tổ chức nêu rõ lý do.

c) Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra hoạt động của các tổ chức cung cấp giải pháp HĐĐT theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện vi phạm về việc cung cấp giải pháp HĐĐT dẫn đến vi phạm về HĐĐT của NNT sử dụng giải pháp HĐĐT, CQT xác định cụ thể trách nhiệm của tổ chức cung cấp giải pháp HĐĐT để xử lý theo quy định. Trên cơ sở đó, Ban CDS trình Cục Thuế có thông báo cho tổ chức, xử phạt hành chính và hủy thông tin công khai của tổ chức trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

2. Quản lý tổ chức truyền nhận

a) Tiếp nhận đề nghị công khai thông tin tổ chức kết nối, nhận, truyền dữ liệu hoá đơn điện tử với CQT

a1) Ban CDS trình Lãnh đạo Cục Thuế kế hoạch, phương án và thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế về việc tiếp nhận đề nghị ký hợp đồng kết nối, nhận, truyền dữ liệu hoá đơn điện tử với CQT.

a2) Trong thời gian 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Tổ chức, Ban CDS rà soát sơ bộ hồ sơ chứng minh đáp ứng theo đúng quy định của tổ chức đề nghị kết nối với Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT. Trường hợp hồ sơ đề nghị của tổ chức chưa đáp ứng các tiêu chí theo quy định, Ban CDS đề nghị tổ chức bổ sung hồ sơ trong thời gian 05 ngày làm việc. Quá thời hạn trên tổ chức truyền nhận không bổ sung hồ sơ, Ban CDS trình Lãnh đạo Cục Thuế phê duyệt văn bản gửi đến tổ chức truyền nhận và ghi rõ lý do.

a3) Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của tổ chức kèm đầy đủ hồ sơ chứng minh, Ban CDS đánh giá hồ sơ theo đúng quy định, lấy ý kiến các Ban/Đơn vị (nếu cần) và trình Lãnh đạo Cục Thuế phê duyệt kết quả đánh giá để gửi văn bản đề nghị tổ chức phối hợp kết nối và kiểm thử kỹ thuật đối với các tổ chức đáp ứng đầy đủ tiêu chí. Trường hợp tổ chức không đáp ứng đầy đủ tiêu chí, Ban CDS trình Lãnh đạo Cục Thuế gửi văn bản đến tổ chức nêu rõ lý do.

a4) Phối hợp kết nối và kiểm thử kỹ thuật: Trong thời gian 07 ngày làm việc kể ngày Cục Thuế gửi văn bản đề nghị tổ chức phối hợp kết nối và kiểm thử kỹ thuật, Ban CDS phối hợp với tổ chức thống nhất kế hoạch, thực hiện kết nối và kiểm thử kỹ thuật theo hình thức từ xa hoặc trực tiếp tại trụ sở của tổ chức. Kết quả kết nối kỹ thuật được ghi nhận bằng biên bản. Trường hợp kết quả kết nối, kiểm thử kỹ thuật không thành công, Ban CDS trình Lãnh đạo Cục Thuế gửi văn bản đến tổ chức nêu rõ lý do.

b) Căn cứ kết quả đánh giá hồ sơ đáp ứng đủ theo quy định và kết quả kết nối, kiểm thử kỹ thuật thành công, Ban CDS trình Lãnh đạo Cục Thuế phê duyệt kết quả đánh giá để thực hiện đăng công khai tài liệu mô tả dịch vụ và cam kết của tổ chức lên Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế đối với các tổ chức đáp ứng đầy đủ tiêu chí. Trường hợp tổ chức không đáp ứng đầy đủ tiêu chí, Ban CDS trình Cục Thuế gửi văn bản đến tổ chức nêu rõ lý do.

c) Tiếp nhận, xử lý văn bản tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ của tổ chức truyền nhận.

c1) Tiếp nhận văn bản đề nghị tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ HĐĐT của tổ chức truyền nhận.

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ HĐĐT của tổ chức truyền nhận, Ban CDS thông báo kế hoạch tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

Trường hợp tổ chức đề nghị ngừng cung cấp dịch vụ HĐĐT, Ban CDS tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo.

c2) Xác định nghĩa vụ của tổ chức khi đề nghị ngừng cung cấp dịch vụ HĐĐT

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị ngừng cung cấp dịch vụ HĐĐT của tổ chức, Ban CDS chủ trì phối hợp với các Ban/đơn vị liên quan (nếu cần) tổ chức làm việc với tổ chức truyền nhận để rà soát và lập biên bản xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên liên quan về:

- Các điều khoản hợp đồng về nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm khi tổ chức truyền nhận đăng ký ngừng cung cấp dịch vụ HĐĐT.

- Dữ liệu HĐĐT truyền nhận với Cục Thuế, số lượng hóa đơn đã được gửi đến CQT, số lượng hóa đơn chưa được gửi đến CQT, hoặc chưa nhận được phản hồi từ CQT,...

c3) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi tổ chức hoàn thành các nghĩa vụ và trách nhiệm theo biên bản làm việc tại bước c2, Ban CDS phối hợp với Tổ chức truyền nhận dự thảo biên bản thanh lý hợp đồng, gửi lấy ý kiến đến Ban/Đơn vị liên quan (nếu cần).

c4) Trong thời gian 02 ngày làm việc, Ban CDS trình Lãnh đạo Cục Thuế phê duyệt biên bản thanh lý hợp đồng cung cấp dịch vụ HĐĐT HĐĐT (nếu có).

c5) Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng cung cấp dịch vụ HĐĐT, Ban CDS thực hiện đóng tài khoản kết nối, truyền nhận dữ liệu của tổ chức truyền nhận; ngắt kết nối kỹ thuật giữa Cục Thuế và tổ chức truyền nhận. Ban CDS đăng tải công khai việc ngừng cung cấp dịch vụ HĐĐT của tổ chức truyền nhận trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

d) Các trường hợp tạm ngừng cung cấp dịch vụ HĐĐT theo thông báo của Cục Thuế.

Trường hợp Cục Thuế có thay đổi về các thành phần dữ liệu HĐĐT hoặc nâng cấp hạ tầng kỹ thuật dẫn đến việc bắt buộc các tổ chức truyền nhận cần rà soát, hiệu chỉnh hệ thống hoặc cấu hình, rà soát kết nối với Cục Thuế, Ban CDS trình Lãnh đạo Cục Thuế gửi thông báo về kế hoạch và các nội dung thực hiện cho các tổ chức truyền nhận liên quan để phối hợp thực hiện.

Trong trường hợp phát hiện tổ chức cung cấp dịch vụ truyền nhận hoạt động không đúng quy định, Ban CDS trình Cục Thuế gửi văn bản thông báo cho tổ chức về việc ngừng/tạm ngừng cung cấp dịch vụ HĐĐT.

3. Cung cấp thông tin người nộp thuế cho tổ chức truyền nhận

a) Cung cấp thông tin cho tổ chức truyền nhận phục vụ việc cung cấp dịch vụ hoá đơn điện tử, bao gồm:

a1) Thông tin đăng ký thuế mới hoặc thông tin thay đổi về đăng ký thuế của NNT từ phân hệ Đăng ký thuế của Hệ thống TMS.

a2) Thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT hoặc thông tin thay đổi đăng ký sử dụng HĐĐT của NNT.

a3) Thông tin NNT sử dụng HĐĐT có mã không phải trả tiền dịch vụ theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 10 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP); khoản 1 Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

a4) Thông tin NNT ngừng hoặc tiếp tục sử dụng HĐĐT.

a5) Thông tin NNT sử dụng HĐĐT có mã không phải trả tiền dịch vụ phải chuyển sang sử dụng HĐĐT có mã thông qua tổ chức truyền nhận.

a6) Danh mục CQT.

a7) Danh mục địa bàn hành chính.

b) Phương thức cung cấp thông tin người nộp thuế cho tổ chức truyền nhận.

Ban CDS cung cấp các dịch vụ và mở cổng kết nối cho các tổ chức truyền nhận để truy vấn thông tin phục vụ việc cung cấp dịch vụ HĐĐT.

Điều 29. Quản lý và cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin trên Cổng thông tin HĐĐT- CTĐT.

1. Cung cấp thông tin HĐĐT, CTĐT cho tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin trên Cổng thông tin HĐĐT- CTĐT.

a) Cung cấp thông tin HĐĐT, CTĐT dành cho tổ chức, cá nhân không có tài khoản truy cập Cổng thông tin HĐĐT- CTĐT.

Tổ chức, cá nhân không có tài khoản truy cập Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT tra cứu các thông tin sau:

- Thông tin HĐĐT khi có đủ các thông tin sau: Mã số thuế người bán, Ký hiệu mẫu số hóa đơn, Ký hiệu hóa đơn, Số hóa đơn, Tổng tiền thuế (nếu có), Tổng tiền thanh toán, trạng thái hóa đơn.

- Thông tin chứng từ khấu trừ thuế khi có đủ các thông tin sau: tên, mã số thuế tổ chức chi trả thu nhập; Tên, mã số thuế của người nộp thuế, ký hiệu chứng từ, số chứng từ, Số thuế đã khấu trừ, trạng thái chứng từ.

Trường hợp Hệ thống HĐĐT-CTĐT của CQT lưu trữ HĐĐT, CTĐT có thông tin trùng khớp với các thông tin tổ chức, cá nhân tìm kiếm, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT xác nhận kết quả phù hợp, trạng thái hoạt động MST của người bán và trạng thái hóa đơn, trạng thái chứng từ điện tử.

Trường hợp Hệ thống HĐĐT-CTĐT của CQT lưu trữ HĐĐT, CTĐT có thông tin không khớp với các thông tin tổ chức, cá nhân tìm kiếm, Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT thông báo không có kết quả phù hợp.

b) Cung cấp thông tin HĐĐT, CTĐT cho tổ chức, cá nhân có tài khoản truy cập Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

Tổ chức, cá nhân có tài khoản truy cập Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT (đã được cấp theo Điều 7 Quy trình) tra cứu:

b.1. Thông tin hóa đơn điện tử bao gồm:

Danh sách HĐĐT mua vào của NNT đăng nhập (giới hạn thời gian tìm kiếm trong vòng 01 tháng).

Danh sách hóa đơn bán ra của NNT đăng nhập (giới hạn thời gian tìm kiếm trong vòng 01 tháng).

Thông tin chi tiết của từng HĐĐT mua vào hoặc bán ra của NNT đăng nhập.

b.2. Thông tin chứng từ điện tử bao gồm:

Danh sách chứng từ của NNT đăng nhập (giới hạn thời gian tìm kiếm trong vòng 01 năm).

Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT truy vấn thông tin, gửi kết quả tìm kiếm và ghi nhật ký tra cứu của NNT.

b.3. Cung cấp thông tin HĐĐT cho đơn vị/tổ chức sử dụng thông tin theo văn bản cung cấp thông tin HĐĐT

Đơn vị/tổ chức sử dụng thông tin HĐĐT theo văn bản cung cấp thông tin HĐĐT sử dụng tài khoản được CQT cấp để tra cứu sử dụng thông tin HĐĐT theo các nội dung, phạm vi tại văn bản đã ký. Thông tin hóa đơn điện tử được cơ quan thuế cung cấp dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử.

2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận, xử lý văn bản đề nghị cung cấp thông tin HĐĐT của đơn vị/ tổ chức theo điểm 1c Điều này (bao gồm cả văn bản đề nghị thay đổi yêu cầu hoặc ngừng việc cung cấp thông tin HĐĐT).

a) Tiếp nhận văn bản đề nghị cung cấp thông tin HĐĐT của đơn vị/tổ chức.

Bộ phận tiếp nhận đề nghị cung cấp thông tin HĐĐT hướng dẫn đơn vị/tổ chức có nhu cầu khai thác thông tin HĐĐT thì gửi văn bản/công văn đề nghị đến CQT đồng cấp, cụ thể như sau: đơn vị/tổ chức cấp Trung ương gửi đến Cục Thuế; đơn vị/tổ chức cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi đến Thuế tỉnh, thành phố; đơn vị/tổ chức cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh/thành phố gửi đến Thuế cơ sở.

Ban QLTT và HT NTT tiếp nhận văn bản đề nghị cung cấp thông tin HĐĐT của các đơn vị/tổ chức cấp Trung ương. bộ phận Tiếp nhận dữ liệu tại Thuế tỉnh, thành phố và Thuế cơ sở tiếp nhận văn bản đề nghị cung cấp thông tin HĐĐT của các đơn vị/tổ chức đồng cấp.

Sau khi nhận được văn bản đề nghị cung cấp thông tin HĐĐT của đơn vị/tổ chức, trong thời gian 02 ngày làm việc, Ban QLTT và HT NTT hoặc bộ phận Tiếp nhận dữ liệu tại Thuế tỉnh, thành phố và Thuế cơ sở xem xét các quy định liên quan về chức năng nhiệm vụ, mục đích sử dụng thông tin hoá đơn điện tử của các đơn vị/tổ chức.

Trường hợp đề nghị cung cấp thông tin HĐĐT không phù hợp với quy định tại khoản 29 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP, Ban QLTT và HTNTT hoặc bộ phận Tiếp nhận dữ liệu tại Thuế tỉnh, thành phố và Thuế cơ sở trình Lãnh đạo CQT ban hành văn bản không chấp thuận đề nghị cung cấp thông tin HĐĐT và gửi cho đơn vị/tổ chức.

Trường hợp đề nghị cung cấp thông tin HĐĐT phù hợp với quy định tại khoản 29 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP, Ban QLTT và HTNTT hoặc bộ phận Tiếp nhận dữ liệu tại Thuế tỉnh, thành phố và Thuế cơ sở thực hiện bước tiếp theo.

b) Xác định phạm vi cung cấp thông tin HĐĐT

Trong thời gian 05 ngày làm việc, Ban QLTT và HTNTT hoặc bộ phận Tiếp nhận dữ liệu tại Thuế tỉnh, thành phố và Thuế cơ sở xác định nội dung, phạm vi thông tin HĐĐT cung cấp, bao gồm:

- Phạm vi dữ liệu (theo địa bàn, theo danh sách NNT, CQT, thời gian, loại hoá đơn,...).
- Nội dung thông tin HĐĐT đề nghị được cung cấp.

- Cách thức cung cấp (sử dụng tài khoản để tra cứu dữ liệu trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT).

- Đầu mỗi đăng ký sử dụng thông tin hóa đơn điện tử của bên sử dụng thông tin.

CQT sẽ cấp tài khoản cho đầu mỗi đăng ký sử dụng thông tin của đơn vị/tổ chức để khai thác, sử dụng thông tin HĐĐT. Đơn vị/ tổ chức sử dụng thông tin HĐĐT có trách nhiệm về sử dụng, bảo mật thông tin HĐĐT đã khai thác.

c) Cấp mới hoặc thay đổi thông tin tài khoản và phân quyền để tra cứu dữ liệu trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

Chậm nhất 01 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày quy chế/văn bản cung cấp thông tin được ký, Ban QLTT và HTNTT hoặc bộ phận Tiếp nhận dữ liệu tại Thuế tỉnh, thành phố và Thuế cơ sở chuyển văn bản cho bộ phận CNTT để thực hiện cấp mới hoặc thay đổi thông tin tài khoản và phân quyền để tra cứu dữ liệu trên Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT cho đơn vị/tổ chức theo quy định tại Mục 6 Quy trình này.

Điều 30. Khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử của cơ quan thuế

Danh sách các mẫu biểu hỗ trợ quản lý, khai thác thông tin HĐĐT, CTĐT theo từng nhóm nghiệp vụ như sau:

1. Thông tin hỗ trợ rà soát đăng ký sử dụng, xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin HĐĐT

a) Danh sách mẫu biểu

- Mẫu số 01-1/QTr-HĐĐT: Danh sách địa bàn kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Mẫu số 01-2/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của CQT không thu tiền.

- Mẫu số 01-3/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế ngừng/tiếp tục sử dụng hóa đơn.

- Mẫu số 01-4/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế thuộc đối tượng ban hành thông báo hết thời gian sử dụng HĐĐT có mã không thu tiền.

- Mẫu số 01-5/QTr-HĐĐT: Danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

- Mẫu số 01-6/QTr-HĐĐT: Danh sách tổ chức kết nối trực tiếp với Cục Thuế.

- Mẫu số 01-7/QTr-HĐĐT: Danh sách đơn vị/tổ chức sử dụng thông tin HĐĐT theo quy chế/văn bản sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

- Mẫu số 01-8/QTr-HĐĐT: Danh sách theo dõi người nộp thuế chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế

- Mẫu số 01-9/QTr-HĐĐT: Tổng hợp tình hình chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử

b) Mục đích sử dụng thông tin hỗ trợ rà soát đăng ký sử dụng, xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin HĐĐT

- Phục vụ công tác rà soát đăng ký sử dụng, xử lý dữ liệu HĐĐT và cung cấp thông tin.

- Kiểm soát việc cập nhật danh sách đối tượng miễn phí sử dụng HĐĐT có mã; danh sách ngừng/tiếp tục sử dụng hóa đơn, danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT; danh sách tổ chức kết nối trực tiếp với Cục Thuế; danh sách đơn vị/tổ chức sử dụng thông tin HĐĐT theo quy chế cung cấp thông tin.

c) Đối tượng sử dụng:

Ban CĐS, Chi cục Thuế DNL, Chi cục thuế TMĐT, bộ phận Tiếp nhận dữ liệu và các Bộ phận nghiệp vụ có liên quan.

2. Thông tin về đăng ký sử dụng HĐĐT, BLĐT

a) Danh sách mẫu biểu

- Mẫu số 02-1/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế sử dụng hoá đơn điện tử có mã.

- Mẫu số 02-2/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử không có mã.

- Mẫu số 02-3/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử (chi tiết đến từng hồ sơ đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử).

- Mẫu số 02-4/QTr-HĐĐT: Báo cáo tổng hợp thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã (tổng hợp theo CQT).

- Mẫu số 02-5/QTr-HĐĐT: Báo cáo xử lý thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã (tổng hợp theo CQT).

- Mẫu số 02-6/QTr-HĐĐT: Tổng hợp thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

- Mẫu số 02-7/QTr-HĐĐT: Báo cáo tình hình ban hành thông báo Mẫu số 01/TB-KTT (Chuyển từ sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế).

- Mẫu số 02-8/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế được ủy thác qua các tổ chức truyền nhận.

- Mẫu số 02-9/QTr-HĐĐT: Báo cáo tổng hợp thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn có mã cơ quan thuế theo công chức quản lý thuế.

- Mẫu số 02-10/QTr-HĐĐT: Báo cáo tổng hợp thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã cơ quan thuế (theo CQT).

- Mẫu số 02-11/QTr-BLĐT: Báo cáo tổng hợp thông tin đăng ký sử dụng biên lai điện tử của các đơn vị (theo CQT).

b) Mục đích sử dụng thông tin về đăng ký sử dụng HĐĐT:

Phục vụ công tác kiểm soát, xử lý, báo cáo tình hình đăng ký sử dụng HĐĐT và cung cấp thông tin cho Bộ phận liên quan phục vụ công tác chuyên môn.

c) Đối tượng sử dụng:

Bộ phận Tiếp nhận dữ liệu và các Bộ phận nghiệp vụ có liên quan.

3. Thông tin về tiếp nhận và xử lý HĐĐT

a) Danh sách mẫu biểu

- Mẫu số 03-1/QTr-HĐĐT: Tổng hợp tình hình sử dụng hoá đơn điện tử theo từng người nộp thuế (chi tiết theo tình trạng hoá đơn đã sử dụng, điều chỉnh, thay thế).

- Mẫu số 03-2/QTr-HĐĐT: Báo cáo sử dụng hóa đơn điện tử (theo cơ quan thuế).

- Mẫu số 03-3/QTr-HĐĐT: Báo cáo sử dụng hoá đơn điện tử đã cấp mã (tổng hợp theo cơ quan thuế).

- Mẫu số 03-4/QTr-HĐĐT: Báo cáo sử dụng hoá đơn điện tử không có mã (tổng hợp theo cơ quan thuế).

- Mẫu số 03-5/QTr-HĐĐT: Danh sách hoá đơn đã lập sai theo thông báo Mẫu số 04/SS-HĐĐT.

- Mẫu số 03-6/QTr-HĐĐT: Danh sách hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh (chi tiết theo từng hoá đơn).

- Mẫu số 03-7/QTr-HĐĐT: Báo cáo hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh (tổng hợp theo từng cơ quan thuế).

- Mẫu số 03-8/QTr-HĐĐT: Báo cáo uỷ nhiệm lập hoá đơn.
- Mẫu số 03-9/QTr-HĐĐT: Báo cáo hóa đơn uỷ quyền cấp mã.
- Mẫu số 03-10/QTr-HĐĐT: Báo cáo tình hình chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử.

b) Mục đích thông tin về tiếp nhận và xử lý HĐĐT:

Phục vụ công tác kiểm soát tiếp nhận, xử lý dữ liệu HĐĐT; báo cáo tình hình sử dụng HĐĐT (có mã, không mã, từng lần phát sinh); cung cấp thông tin cho Bộ phận liên quan phục vụ công tác chuyên môn.

c) Đối tượng sử dụng:

Bộ phận Tiếp nhận dữ liệu và các bộ phận nghiệp vụ có liên quan.

4. Thông tin về rủi ro và kiểm soát dữ liệu HĐĐT

a) Danh sách mẫu biểu

- Mẫu số 04-1/QTr-HĐĐT: Báo cáo tình hình xử lý thông báo Mẫu số 01/TB-SSĐT của người nộp thuế theo công chức quản lý thuế.

- Mẫu số 04-2/QTr-HĐĐT: Danh sách hoá đơn điện tử lập sai theo thông báo Mẫu số 04/SS-HĐĐT

- Mẫu số 04-3/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế thuộc diện rủi ro cao về thuế.

- Mẫu số 04-4/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế thuộc đối tượng rà soát ban hành thông báo Mẫu số 01/TB-KTT (chuyển từ sử dụng hóa đơn không có mã của CQT sang sử dụng hóa đơn có mã của CQT).

b) Mục đích sử dụng thông tin về rủi ro và kiểm soát dữ liệu HĐĐT:

Phục vụ công tác kiểm soát dữ liệu HĐĐT có lập sai hoặc có dấu hiệu rủi ro về hành vi mua, bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp dẫn đến trốn thuế, gian lận thuế chuyển bộ phận Kiểm tra và cung cấp thông tin cho Bộ phận liên quan phục vụ công tác chuyên môn.

c) Đối tượng sử dụng:

Bộ phận quản lý sử dụng, Bộ phận Kiểm tra, Bộ phận QLRR, bộ phận Tiếp nhận dữ liệu và các bộ phận nghiệp vụ có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Lãnh đạo Cơ quan thuế các cấp tổ chức, bố trí phân công công chức thực hiện theo đúng quy định của quy trình này; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy trình của các đơn vị và thực hiện các hình thức khen thưởng, kỷ luật theo quy định về chế độ chấp hành kỷ luật lao động, quy chế công tác đối với đơn vị.

2. Quản lý rủi ro hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử và việc xác định các tiêu chí người nộp thuế rủi ro về thuế cao, tiêu chí đánh giá, xác định người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật, quy trình nghiệp vụ về quản lý rủi ro có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế thương mại điện tử, cơ quan Thuế tỉnh, thành phố, cơ quan Thuế cơ sở báo cáo kịp thời về Cục Thuế (Ban Nghiệp vụ Thuế, Ban Công nghệ chuyên đổi số và tự động hóa và Ban Quản lý tuân thủ và hỗ trợ người nộp thuế) để được giải quyết hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quy trình quản lý hóa đơn, chứng từ điện tử.

Phụ lục
CÁC MẪU BIỂU SỬ DỤNG TRONG QUY TRÌNH QUẢN LÝ HÓA
ĐƠN, CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

*(Kèm theo Quyết định số 2799 ngày 6 tháng 8 năm 2025
của Cục trưởng Cục Thuế)*

1. Mẫu biểu theo quy định tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Nghị định 70/2025/NĐ-CP

- Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT: Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử.
- Mẫu số 01/ĐKTD-CTĐT Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng biên lai.
- Mẫu số 04/SS-HĐĐT: Thông báo hóa đơn điện tử đã lập sai
- Mẫu số 04/SS-CTĐT: Thông báo chứng từ điện tử đã lập sai
- Mẫu số 06/ĐN-PSĐT: Đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của CQT theo từng lần phát sinh
- Mẫu số 01/TH-HĐĐT: Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử.
- Mẫu số 03/DL-HĐĐT: Tờ khai dữ liệu hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Mẫu số BC26/BLĐT: Báo cáo tình hình sử dụng biên lai phí, lệ phí điện tử

2. Mẫu biểu theo quy định tại Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định 41/2022/NĐ-CP và Nghị định 70/2025/NĐ-CP

- Mẫu số 01/TB-TNĐT: Về việc tiếp nhận/không tiếp nhận <tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử>.
- Mẫu số 01/TB-ĐKĐT: Thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử/biên lai điện tử.
- Mẫu số 01/TB-SSĐT: Thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử/chứng từ điện tử đã lập sai
- Mẫu số 01/TB-RSĐT: Thông báo về hóa đơn điện tử cần rà soát.
- Mẫu số 01/TB-KTDL: Thông báo về việc kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử.
- Mẫu số 01/TB-KTT: Thông báo về việc hết thời gian sử dụng hóa đơn điện tử có mã của CQT không thu tiền và chuyển sang thông qua Cổng thông tin HĐĐT-

CTĐT/qua ủy thác tổ chức cung cấp dịch vụ về HĐĐT; không thuộc trường hợp sử dụng HĐĐT không có mã của CQT.

3. Mẫu biểu theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

- Mẫu số 01/CCTT-ĐK: Đề nghị đăng ký mới hoặc bổ sung tài khoản truy cập/nội dung cung cấp thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

- Mẫu số 01/CCTT-KN: Đăng ký kết nối, dừng kết nối với Cổng thông tin HĐĐT-CTĐT.

- Mẫu số 01/CCTT-TB: Thông báo về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc đăng ký mới hoặc bổ sung nội dung cung cấp thông tin/tài khoản truy cập hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

4. Mẫu biểu theo quy định tại Phụ lục IV.A, Phụ lục IV.B ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BTC

- Mẫu Thông báo về việc tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử.

- Mẫu Thông báo về việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh.

5. Mẫu biểu báo cáo theo quy định tại Quy trình quản lý hóa đơn, chứng từ điện tử.

a) Nhóm mẫu biểu về hỗ trợ rà soát đăng ký sử dụng, xử lý hóa đơn điện tử và cung cấp thông tin:

- Mẫu số 01-1/QTr-HĐĐT: Danh sách địa bàn kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Mẫu số 01-2/QTr-HĐĐT: Danh sách NNT sử dụng hóa đơn điện tử có mã của CQT không thu tiền.

- Mẫu số 01-3/QTr-HĐĐT: Danh sách NNT ngừng/tiếp tục sử dụng hóa đơn.

- Mẫu số 01-4/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế thuộc đối tượng ban hành thông báo hết thời gian sử dụng HĐĐT có mã không thu tiền.

- Mẫu số 01-5/QTr-HĐĐT: Danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

- Mẫu số 01-6/QTr-HĐĐT: Danh sách tổ chức kết nối trực tiếp với Cục Thuế.

- Mẫu số 01-7/QTr-HĐĐT: Danh sách đơn vị/tổ chức sử dụng thông tin HĐĐT theo quy chế/văn bản sử dụng thông tin hóa đơn điện tử.

- Mẫu số 01-8/QTr-HĐĐT: Danh sách theo dõi người nộp thuế chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế.

- Mẫu số 01-9/QTr-HĐĐT: Tổng hợp tình hình chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử

b) Nhóm mẫu biểu về đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử:

- Mẫu số 02-1/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế sử dụng hoá đơn điện tử có mã.

- Mẫu số 02-2/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử không mã.

- Mẫu số 02-3/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử (chi tiết đến từng hồ sơ đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử).

- Mẫu số 02-4/QTr-HĐĐT: Báo cáo tổng hợp thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã (tổng hợp theo CQT).

- Mẫu số 02-5/QTr-HĐĐT: Báo cáo xử lý thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã (tổng hợp theo CQT).

- Mẫu số 02-6/QTr-HĐĐT: Tổng hợp thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

- Mẫu số 02-7/QTr-HĐĐT: Báo cáo tình hình ban hành thông báo Mẫu số 01/TB-KTT (Chuyển từ sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã cơ quan thuế).

- Mẫu số 02-8/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế được ủy thác qua các tổ chức truyền nhận.

- Mẫu số 02-9/QTr-HĐĐT: Báo cáo tổng hợp thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn có mã cơ quan thuế theo công chức quản lý thuế.

- Mẫu số 02-10/QTr-HĐĐT: Báo cáo tổng hợp thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử không có mã cơ quan thuế (theo CQT).

Mẫu số 02-11/QTr-BLĐT: Báo cáo tổng hợp thông tin đăng ký sử dụng biên lai điện tử (theo CQT).

c) Nhóm mẫu biểu về tiếp nhận và xử lý hóa đơn điện tử:

- Mẫu số 03-1/QTr-HĐĐT: Tổng hợp tình hình sử dụng hoá đơn điện tử theo từng người nộp thuế (chi tiết theo tình trạng hoá đơn đã sử dụng, điều chỉnh, thay thế).

- Mẫu số 03-2/QTr-HĐĐT: Báo cáo sử dụng hóa đơn điện tử (theo cơ quan thuế).

- Mẫu số 03-3/QTr-HĐĐT: Báo cáo sử dụng hoá đơn điện tử đã cấp mã (tổng hợp theo cơ quan thuế).

- Mẫu số 03-4/QTr-HĐĐT: Báo cáo sử dụng hoá đơn điện tử không có mã (tổng hợp theo cơ quan thuế).

- Mẫu số 03-5/QTr-HĐĐT: Danh sách hoá đơn đã lập sai theo thông báo Mẫu số 04/SS-HĐĐT.

- Mẫu số 03-6/QTr-HĐĐT: Danh sách hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh (chi tiết theo từng hoá đơn).

- Mẫu số 03-7/QTr-HĐĐT: Báo cáo hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh (tổng hợp theo từng cơ quan thuế).

- Mẫu số 03-8/QTr-HĐĐT: Báo cáo uỷ nhiệm lập hoá đơn.

- Mẫu số 03-9/QTr-HĐĐT: Báo cáo hoá đơn được uỷ quyền cấp mã.

- Mẫu số 03-10/QTr-HĐĐT: Báo cáo tình hình chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử.

d) Nhóm mẫu biểu về rủi ro và kiểm soát dữ liệu hóa đơn điện tử:

- Mẫu số 04-1/QTr-HĐĐT: Báo cáo tình hình xử lý thông báo Mẫu số 01/TB-SSĐT của người nộp thuế theo công chức quản lý thuế.

- Mẫu số 04-2/QTr-HĐĐT: Danh sách hoá đơn điện tử lập sai theo thông báo Mẫu số 04/SS-HĐĐT

- Mẫu số 04-3/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế thuộc diện rủi ro cao về thuế.

- Mẫu số 04-4/QTr-HĐĐT: Danh sách người nộp thuế thuộc đối tượng rà soát ban hành thông báo theo Mẫu số 01/TB-KTT (chuyển từ sử dụng hóa đơn không có mã của CQT sang sử dụng hóa đơn có mã của CQT).

<CO QUAN THUẾ CẤP TRÊN>
<CO QUAN THUẾ CẤP DƯỚI>

Mẫu số 01-2/QTr-HĐĐT
(Kèm theo Quyết định số 2799/QĐ-CT
ngày 6/8/2025 của Cục trưởng Cục
Thuế)

DANH SÁCH NNT SỬ DỤNG HĐĐT CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ KHÔNG THU TIỀN

Ngày...tháng...năm...

STT	MST	Tên NNT	Mã CQT	Loại người nộp thuế	Loại hình DN	Lý do miễn phí	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

Ghi chú: Lý do miễn phí theo QĐ số ... ngày ... của Chính phủ

DANH SÁCH NNT NGỪNG/TIẾP TỤC SỬ DỤNG HOÁ ĐƠN

Từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm...

STT	Thông tin NNT				Thông tin ngừng/tiếp tục sử dụng hoá đơn				Ghi chú
	MST	Tên NNT	Loại người nộp thuế	Loại hình DN	Thời điểm ngừng	Lý do ngừng	Thời điểm tiếp tục sử dụng	Lý do tiếp tục sử dụng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Ghi chú: Cột (6) Thời điểm ngừng và cột (8) Thời điểm tiếp tục sử dụng chi tiết đến ngày tháng năm

<CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN>
<CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI>

Mẫu số 01-4/QTr-HĐĐT
(Kèm theo Quyết định số 2799/QĐ-CT
ngày 6/8/2025 của Cục trưởng Cục
Thuế)

**DANH SÁCH NNT THUỘC ĐỐI TƯỢNG BAN HÀNH THÔNG BÁO HẾT THỜI GIAN SỬ DỤNG
HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ CÓ MÃ KHÔNG THU TIỀN**

Ngày...tháng...năm...

STT	MST	Tên NNT	Loại người nộp thuế	Loại hình DN	Thời điểm bắt đầu sử dụng miễn phí	Thời điểm hết hạn miễn phí	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

<CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN>
<CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI>

Mẫu số 01-5/QTr-IIDĐT
(Kèm theo Quyết định số 2799/QĐ-CT
ngày 6/8/2025 của Cục trưởng Cục Thuế)

DANH SÁCH TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ (BAO GỒM CẢ ỦY THÁC)
Từ ngày.... đến ngày....
(Theo ngày ký hợp đồng)

STT	MST	Tên	Địa chỉ	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng với Cục Thuế	Trạng thái cung cấp dịch vụ	Hiệu lực hợp đồng		Lĩnh vực cung cấp theo hợp đồng	Đơn vị ủy thác cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử	Phạm vi ủy thác	Ghi chú
							Từ ngày	đến ngày				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

Ghi chú: Cột (11): Cục Thuế thực hiện hoặc ủy thác cho tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử thực hiện cung cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ cho các đối tượng tại Điều 14 Nghị định 123/2020/NĐ-CP

DANH SÁCH THEO DÕI NGƯỜI NỘP THUẾ CHUYỂN DỮ LIỆU HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ ĐẾN CƠ QUAN THUẾ
Kỳ báo cáo: từ ngày .../.../... Đến ngày .../.../...

STT	Thông tin người nộp thuế			Văn bản đề nghị		Thông tin về dữ liệu hóa đơn điện tử chuyển đến cơ quan thuế				
	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Địa chỉ	Số	Ngày	Dữ liệu hóa đơn điện tử	Ngày bắt đầu phải chuyển dữ liệu HDDT	Ngày kết thúc chuyển dữ liệu HDDT	Trạng thái (mở, tạm ngừng, đóng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12
1	100100999	Công ty TNHH A				Dữ liệu hóa đơn điện tử	1/8/2025	20/8/2025	đóng	

Ghi chú

Cột 11 – “Ngày kết thúc phải nộp HDDT”:

- + Đối với NNT giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động: là ngày NNT chính thức chấm dứt hoạt động (hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế).
- + Đối với NNT bỏ trốn, mất tích, không tìm thấy địa chỉ hoạt động: là ngày cơ quan thuế đóng mã số thuế trên ứng dụng đăng ký thuế
- + Đối với NNT chuyển địa điểm (chuyển đi): là ngày NNT chuyển địa điểm
- + Đối với NNT tạm ngừng kinh doanh: là thời gian NNT tạm ngừng kinh doanh.

Cột (12)- “Trạng thái”:

- Trạng thái “mở”: đối với NNT đăng ký chuyển dữ liệu HDDT đến cơ quan cơ quan thuế
- Trạng thái “tạm dừng”: đối với các HSKT của NNT tạm ngừng kinh doanh, NNT ngừng hoạt động đang làm thủ tục đóng mã số thuế, NNT bỏ trốn, mất tích trong trường hợp cơ quan thuế chưa đóng mã số thuế trên ứng dụng đăng ký thuế.
- Trạng thái “đóng”: đối với loại HSKT của NNT đang hoạt động nhưng không còn phát sinh phải nộp HDDT đó cho cơ quan thuế; NNT chuyển sang cơ quan thuế khác quản lý;

<CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN>
<CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI>

Mẫu số 01-9/QT-HĐĐT
(Kèm theo Quyết định số 2799/QĐ-
CT ngày 6/8/2025 của Cục trưởng
Cục Thuế)

TÓNG HỢP TÌNH HÌNH CHUYỂN DỮ LIỆU HĐĐT THEO BẢNG TỔNG HỢP DỮ LIỆU HĐĐT
Kỳ báo cáo: Tháng... năm....

STT	MST	Tên NNT	Ngành nghề kinh doanh	Ngày đăng ký sử dụng gửi dữ liệu theo Bảng tổng hợp	Kỳ khai thuế GTGT	Loại kỳ dữ liệu 01/TH-HĐĐT (ngày/tháng/quý)	Thời điểm phải chuyển Bảng tổng hợp dữ liệu HĐĐT 01/TH-HĐĐT (ngày)	Đã chuyển Bảng tổng hợp (tích X)	Ngày chuyển Bảng tổng hợp	Số ngày chậm chuyển Bảng tổng hợp dữ liệu	Ghi chú

Lưu ý: - Người nộp thuế có đăng ký 01ĐKTD/HĐĐT phương thức chuyển dữ liệu HĐĐT là "Chuyển theo bảng tổng hợp dữ liệu HĐĐT"
- Kỳ khai thuế GTGT lấy từ ứng dụng TMS chức năng theo dõi nghĩa vụ khai thuế.

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ, CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ
(CHI TIẾT THEO TỪNG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HĐĐT-CTĐT)
Từ ngày... đến ngày...
(Thông tin đăng ký lần mới nhất)

Số thứ tự	Thông tin NNT		Hình thức áp dụng HĐĐT (không mã / có mã)	Loại hồ sơ	Trạng thái hồ sơ	Tình hình xử lý đăng ký sử dụng					Thông tin tài khoản sử dụng HĐĐT-CTĐT			Ghi chú
	MST	Tên NNT				Ngày tiếp nhận	Thông báo Mẫu 01/TB-ĐKĐT			Số ngày quá hạn xử lý	Hình thức giao dịch	Loại hóa đơn sử dụng	Thời gian bắt đầu sử dụng	
							Đang xử lý	Chấp nhận/Không chấp nhận và lý do	Ngày thông báo chấp nhận/chấp nhận					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

Ghi chú

Cột (9) : Đăng ký mới/thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử

Cột (10): Trạng thái hồ sơ : đang xử lý, không chấp nhận hồ sơ, chấp nhận hồ sơ . . . Theo các trạng thái hồ sơ quy định tại Quy trình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuế của người nộp thuế theo cơ chế một cửa tại cơ quan thuế, theo Quyết định số 2351/QĐ-TCT ngày 11/12/2015 của Tổng cục Thuế.

Cơ quan thuế	Tình hình xử lý hồ sơ ĐKSD HDDT có mã					Thông tin tài khoản sử dụng HDDT có mã										
	Số lượng hồ sơ trên mẫu 01/DKTD-HDDT đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 01/TB-ĐKĐT đã được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 01/TB-ĐKĐT không được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đang xử lý, chưa trả thông báo 01/TB-ĐKĐT	Số lượng hồ sơ quá hạn xử lý	Số lượng NNT giao dịch qua Công thông tin điện tử của Cục Thuế	Số lượng NNT giao dịch qua Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử	Số lượng NNT thuộc đối tượng miễn phí sử dụng hoá đơn có mã	Số lượng NNT sử dụng Hoá đơn GTGT	Số lượng NNT Hoá đơn Bán hàng	Số lượng NNT sử dụng Hóa đơn khởi tạo từ MTT	Số lượng NNT sử dụng hoá đơn khác	Số lượng NNT mới được chấp nhận đăng ký trong kỳ báo cáo	Số lượng NNT ngừng sử dụng trong kỳ báo cáo	Số lượng tài khoản cấp 2	Số lượng NNT Thay đổi thông tin đăng ký
1	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
.....																
VII. Hợp tác xã																
Công chức																
Công chức																
Công chức																
.....																
VIII. Hộ kinh doanh																
Công chức																
Công chức																
Công chức																
.....																

Ghi chú:

Phân quyền cho các CQT tổng hợp thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn có mã trên địa bàn quản lý

Cơ quan thuế	Tình hình xử lý hồ sơ ĐKSD HDDT có mã					Thông tin tài khoản sử dụng HDDT có mã										
	Số lượng hồ sơ trên mẫu 01/ĐKTD-HDDT đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 01/TB-ĐKDT đã được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 01/TB-ĐKDT không được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đang xử lý, chưa trả thông báo 01/TB-ĐKDT	Số lượng hồ sơ quá hạn xử lý	Số lượng NNT giao dịch qua Công thông tin điện tử của Cục Thuế	Số lượng NNT giao dịch qua Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử	Số lượng NNT thuộc đối tượng miễn phí sử dụng hoá đơn có mã	Số lượng NNT sử dụng Hoá đơn GTGT	Số lượng NNT Hoá đơn Bán hàng	Số lượng NNT sử dụng Hóa đơn khởi tạo từ MTT	Số lượng NNT sử dụng hoá đơn khác	Số lượng NNT mới được chấp nhận đăng ký trong kỳ báo cáo	Số lượng NNT ngừng sử dụng trong kỳ báo cáo	Số lượng tài khoản cấp 2	Số lượng NNT Thay đổi thông tin đăng ký
1	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
VIII. Hệ kinh doanh																
Văn phòng Thuế tỉnh, thành phố....																
Thuế cơ sở A																
Thuế cơ sở B																
.....																

Ghi chú:

Phân quyền cho các CQT tổng hợp thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn có mã trên địa bàn quản lý

Cơ quan thuế	Tình hình xử lý hồ sơ ĐKSD HDDT có mã					Thông tin tài khoản sử dụng HDDT có mã										
	Số lượng hồ sơ trên mẫu 01/ĐKTĐ-HDDT đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 01/TB-ĐKDT đã được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 01/TB-ĐKDT không được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đang xử lý, chưa trả thông báo 01/TB-ĐKDT	Số lượng hồ sơ quá hạn xử lý	Số lượng NNT giao dịch qua Công thông tin điện tử của Cục Thuế	Số lượng NNT giao dịch qua Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử	Số lượng NNT thuộc đối tượng miễn phí sử dụng hoá đơn có mã	Số lượng NNT sử dụng Hoá đơn GTGT	Số lượng NNT Hoá đơn Bán hàng	Số lượng NNT sử dụng Hóa đơn khởi tạo từ MTT	Số lượng NNT sử dụng hoá đơn khác	Số lượng NNT mới được chấp nhận đăng ký trong kỳ báo cáo	Số lượng NNT ngừng sử dụng trong kỳ báo cáo	Số lượng tài khoản cấp 2	Số lượng NNT Thay đổi thông tin đăng ký
1	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Thuế tỉnh, thành phố I																
Thuế tỉnh, thành phố II																
Thuế tỉnh, thành phố																
.....																
VII. Hợp tác xã																
Thuế tỉnh, thành phố DNL																
Thuế tỉnh, thành phố TMDT																
Thuế tỉnh, thành phố I																
Thuế tỉnh, thành phố II																
Thuế tỉnh, thành phố																
.....																
VIII. Hộ kinh doanh																
Thuế tỉnh, thành phố DNL																
Thuế tỉnh, thành phố TMDT																
Thuế tỉnh, thành phố I																
Thuế tỉnh, thành phố II																
Thuế tỉnh, thành phố																
.....																

Ghi chú:
Phân quyền cho các CQT tổng hợp thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn có mã trên địa bàn quản lý

Thuế tỉnh, thành phố . . .
Thuế cơ sở

Mẫu số 02-5/QTr-HĐĐT
(Kèm theo Quyết định số 2799/QĐ-CT
ngày 6/8/2025 của Cục trưởng Cục Thuế)

BÁO CÁO XỬ LÝ THÔNG TIN ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HĐĐT KHÔNG CÓ MÃ (TỔNG HỢP THEO CQT)

Từ tháng.... năm.....đến tháng.... năm.....
(Theo ngày người nộp thuế gửi Mẫu số 01/DKTĐ-HĐĐT)

Cả nước/ Cục Thuế/ Thuế tỉnh, thành phố	Tình hình xử lý hồ sơ ĐKSD HĐĐT không có mã					Thông tin tài khoản sử dụng HĐDDT không có mã						
	Số lượng hồ sơ trên mẫu 01/DKTĐ- HĐĐT đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 01/TB- ĐKĐT đã được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 01/TB- ĐKĐT không được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đang xử lý, chưa trả thông báo 01/TB- ĐKĐT	Số lượng hồ sơ quá hạn xử lý	Số lượng NNT giao dịch qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế	Số lượng NNT giao dịch qua Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử	Số lượng NNT giao dịch qua công ty mẹ	Số lượng NNT sử dụng Hoá đơn GTGT	Số lượng NNT Hoá đơn bán hàng	Số lượng NNT sử dụng Hóa đơn khởi tạo từ MTT	Số lượng NNT sử dụng hoá đơn khác
1	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tổng cộng												
Công chức												
Công chức												
Công chức												

Ghi chú: Hóa đơn khác là các loại hóa đơn bán bán tài sản công, hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia, hóa đơn thương mại . . .

BÁO CÁO XỬ LÝ THÔNG TIN ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HDDT KHÔNG CÓ MÃ (TỔNG HỢP THEO CQT)

Từ tháng.... năm.....đến tháng.... năm.....
(Theo ngày người nộp thuế gửi Mẫu số 01/ĐKTD-HDDT)

Cả nước/ Cục Thuế/ Thuế tỉnh, thành phố	Tình hình xử lý hồ sơ ĐKSD HDDT không có mã					Thông tin tài khoản sử dụng HDDDT không có mã						
	Số lượng hồ sơ trên mẫu 01/ĐKT Đ-HDDT đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 01/TB- ĐKĐT đã được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 01/TB- ĐKĐT không được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đang xử lý, chưa trả thông báo 01/TB- ĐKĐT	Số lượng hồ sơ quá hạn xử lý	Số lượng NNT giao dịch qua Công thông tin điện tử của Cục Thuế	Số lượng NNT giao dịch qua Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử	Số lượng NNT giao dịch qua công ty mẹ	Số lượng NNT sử dụng Hoá đơn GTGT	Số lượng NNT Hoá đơn bán hàng	Số lượng NNT sử dụng Hóa đơn khởi tạo từ MTT	Số lượng NNT sử dụng hoá đơn khác
1	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tổng cộng												
Thuế cơ sở....												
Thuế cơ sở....												

Ghi chú:

Hóa đơn khác là các loại hóa đơn bán bán tài sản công, hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia, hóa đơn thương mại ...

BÁO CÁO XỬ LÝ THÔNG TIN ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG HĐĐT KHÔNG CÓ MÃ (TỔNG HỢP THEO CQT)

Từ tháng.... năm.....đến tháng.... năm.....
(Theo ngày người nộp thuế gửi Mẫu số 01/ĐKTD-HĐĐT)

Cả nước/ Cục Thuế/ Thuế tỉnh, thành phố	Tình hình xử lý hồ sơ ĐKSD HĐĐT không có mã					Thông tin tài khoản sử dụng HĐĐT không có mã						
	Số lượng hồ sơ trên mẫu 01/ĐKTD- HĐĐT đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 01/TB- ĐKĐT đã được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 01/TB- ĐKĐT không được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đang xử lý, chưa trả thông báo 01/TB- ĐKĐT	Số lượng hồ sơ quá hạn xử lý	Số lượng NNT giao dịch qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế	Số lượng NNT giao dịch qua Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử	Số lượng NNT giao dịch qua công ty mẹ	Số lượng NNT sử dụng Hoá đơn GTGT	Số lượng NNT Hoá đơn bán hàng	Số lượng NNT sử dụng Hóa đơn khởi tạo từ MTT	Số lượng NNT sử dụng hoá đơn khác
1	2=3+4+5	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tổng cả nước												
CCT DNL												
CCT TMDT												
Thuế tỉnh, thành phố												
Thuế tỉnh, thành phố												
Thuế tỉnh, thành phố												
.....												

Ghi chú: Hóa đơn khác là các loại hóa đơn bán bán tài sản công, hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia, hóa đơn thương mại . . .

<CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN>
<CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI>

Mẫu số 02-6/QTr-HĐĐT
(Kèm theo Quyết định số 2799/QĐ-CT
ngày 6/8/2025 của Cục trưởng Cục Thuế)

TỔNG HỢP THAY ĐỔI THÔNG TIN SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ, CHỨNG TỬ ĐIỆN TỬ

Tên NNT:
Mã số thuế

STT	Tên chỉ tiêu	Thông tin đăng ký ban đầu	Thông tin thay đổi lần 1	Thông tin thay đổi lần 2	Thông tin thay đổi lần...
1	2	3	4	5	6
1	Ngày thay đổi				
2	Tên người nộp thuế				
	Địa chỉ liên hệ của NNT				
	Điện thoại liên hệ				
	Thư điện tử của NNT				
3	Người liên hệ: (Đại diện theo pháp luật/ Hộ, cá nhân kinh doanh)				
	Số CC/CCCD/số định danh/Hộ chiếu (*)...				
	Giới tính người Đại diện theo pháp luật				
	Điện thoại liên hệ (Đại diện theo pháp luật/ Hộ, cá nhân kinh doanh)				
4	Hình thức hóa đơn:				
5	Hình thức gửi dữ liệu hóa đơn điện tử:				
6	Loại hóa đơn sử dụng:				
7	Danh sách chứng thư số sử dụng				
8	Đăng ký ủy nhiệm lập hóa đơn				
9	Tổ chức cung cấp dịch vụ				
10	Thông tin đơn vị truyền nhận				
11	Thông tin đơn vị hạch toán phụ thuộc cần cấp quyền tra cứu hóa đơn				
12	Đề nghị tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử				

STT	Tên chỉ tiêu	Thông tin đăng ký ban đầu	Thông tin thay đổi lần 1	Thông tin thay đổi lần 2	Thông tin thay đổi lần...
13	Đăng ký tích hợp hóa đơn điện tử với chứng từ điện tử				
				

Cơ quan thuế	Tình hình xử lý hồ sơ DKSD BLĐT					Thông tin tài khoản sử dụng BLĐT							
	Số lượng Mẫu 01 được tiếp nhận	Số lượng hồ sơ chưa trả thông báo Mẫu 02	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 02 không được chấp nhận	Số lượng hồ sơ đã trả Mẫu 02 đã được chấp nhận	Số lượng hồ sơ quá hạn xử lý	Số lượng NNT giao dịch qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế	Số lượng NNT giao dịch qua Tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử	Số lượng NNT thuộc đối tượng miễn phí sử dụng Biên lai điện tử	Số lượng NNT sử dụng Biên lai điện tử	Số lượng NNT mới được chấp nhận đăng ký trong kỳ báo cáo	Số lượng NNT ngừng sử dụng trong kỳ báo cáo	Số lượng tài khoản cấp 2	Số lượng NNT Thay đổi thông tin đăng ký
VI. Doanh nghiệp tư nhân													
Tổng cả nước													
Cục Thuế...													
Thuế tỉnh, thành phố....													
Thuế tỉnh, thành phố....													
VII. Hợp tác xã													
Tổng cả nước													
Cục Thuế...													
Thuế tỉnh, thành phố....													
Thuế tỉnh, thành phố....													
VIII. Hộ kinh doanh													
Tổng cả nước													
Cục Thuế...													
Thuế tỉnh, thành phố....													
Thuế tỉnh, thành phố....													

<CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN>
 <CƠ QUAN THUẾ CẤP DƯỚI>

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ THEO TỪNG NGƯỜI NỘP THUẾ
 (CHI TIẾT THEO TÌNH TRẠNG HÓA ĐƠN ĐÃ SỬ DỤNG, ĐIỀU CHỈNH, THAY THẾ)**

Kỳ báo cáo: Từ ngày.... đến ngày....

Mã số thuế (người bán/người mua):
 Tên người nộp thuế:
 Tên cơ quan thuế:
 Mã cơ quan thuế:

STT	Loại hoá đơn	Ký hiệu mẫu hoá đơn	Ký hiệu hoá đơn	Số hóa đơn	Thời điểm lập hóa đơn	Thông tin người mua/ người bán		Tổng giá trị hàng hoá chưa thuế	Số tiền thuế	Tổng tiền thanh toán	Tình trạng hóa đơn
						MST	Tên				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I. Hóa đơn GTGT											
1. Hàng hoá, dịch vụ thuế suất GTGT 0%											
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 5%											
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 10%											
4. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT											
5. Hàng hoá, dịch vụ không kê khai tính nộp thuế GTGT											
6. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất khác											
II. Hóa đơn bán hàng											
III. Phiếu xuất kho											
IV. Hóa đơn khác											

